



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

VCF ANNUAL REPORT





***Tầm nhìn 2020:***

***Luôn luôn đổi mới để cách mạng hóa cách thưởng thức cà phê của hàng triệu người Việt Nam & toàn thế giới với ly cà phê nguyên bản ngon độc đáo kiểu Việt Nam.***

## MỤC LỤC

### GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Khái quát chung	05
Quá trình hình thành và phát triển	05
Ngành nghề sản xuất kinh doanh	09
Hệ thống phân phối hàng hóa	09
Địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh	11
Danh mục sản phẩm chủ lực	12
Thành tích Công ty đạt được trong năm 2016	15
Cơ cấu tổ chức Công ty	16
Sơ đồ tổ chức Công ty	17
Công ty con, công ty liên kết	17
Định hướng phát triển của Công ty	17

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016

21	Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2016
22	Tổ chức và nhân sự
27	Tình hình đầu tư thực hiện dự án
27	Tình hình tài chính
29	Cơ cấu cổ đông
30	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

### BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng kết tình hình kinh doanh năm 2016	34
Mục tiêu kinh doanh năm 2017	34
Chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2017	35

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

37	Báo cáo tình hình hoạt động năm 2016
38	Kế hoạch hoạt động năm 2017

### QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị	40
Ban kiểm soát	43
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	46

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

51	Thông tin Công ty
52	Báo cáo của Ban giám đốc
53	Báo cáo kiểm toán độc lập
55	Bảng cân đối kế toán hợp nhất
58	Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất
60	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
62	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất





## PHẦN 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY



## A. KHÁI QUÁT CHUNG

### ❖ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Tên giao dịch	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA</b>
Tên viết bằng tiếng Anh	Vinacafé Bien Hoa Joint-Stock Company
Tên viết tắt	VINACAFÉ BH
Mã chứng khoán	VCF
Sàn niêm yết chứng khoán	Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp: 3600261626, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2004, thay đổi lần thứ 12 vào ngày 05 tháng 5 năm 2016.
Vốn điều lệ	265.791.350.000 đồng
Số lượng cổ phần phát hành	26.579.135 cổ phần.

### ❖ THÔNG TIN LIÊN HỆ

Địa chỉ	KCN Biên Hòa I, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Điện thoại	0613.836554
Fax	0613.836108
Website	<a href="http://www.vinacafebienhoa.com">www.vinacafebienhoa.com</a>

## B. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### *1968: nhà máy cà phê Coronel*



Năm 1968, Ông Marcel Coronel, quốc tịch Pháp khởi công xây dựng Nhà máy Cà phê CORONEL tại Khu Kỹ nghệ Biên Hòa (nay là Khu Công nghiệp Biên Hòa 1), tỉnh Đồng Nai nhằm giảm thiểu chi phí vận chuyển cà phê về Pháp. Nhà máy Cà phê CORONEL có công suất thiết kế 80 tấn cà phê hòa tan/năm, với toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị được nhập khẩu từ Đức. Nhà máy Cà phê CORONEL tự hào là nhà máy chế biến cà phê hòa tan đầu tiên trong toàn khu vực các nước Đông Dương.

### *1975: nhà máy cà phê Biên Hòa*

Khi Việt Nam thống nhất, gia đình ông Coronel trở về Pháp. Họ bàn giao Nhà máy cho Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Nhà máy Cà phê Coronel được đổi tên thành Nhà máy Cà phê Biên Hòa và được giao cho Tổng cục Công nghiệp Thực phẩm quản lý. Tại thời điểm bàn giao, Nhà máy Cà phê Coronel đã chạy thử mẻ cà phê hòa tan, nhưng không thành công, bởi dù rất đam mê công việc, nhưng vốn là kỹ sư nông nghiệp, ông Marcel Coronel chưa tìm được cách “thuần phục” được hệ thống dây chuyền phức tạp gồm rất nhiều máy móc, thiết bị chế biến cà phê hòa tan này.

### *1977: mẻ cà phê hòa tan đầu tiên*



Vào đúng dịp kỷ niệm 02 năm ngày Việt Nam thống nhất, mẻ cà phê hòa tan đầu tiên ra lò trước sự vui mừng của toàn thể cán bộ công nhân viên Nhà máy Cà phê Biên Hòa. Trong suốt hai năm trước đó, tập thể các kỹ sư, công nhân đã ngày đêm cùng nhau tìm tòi, nghiên cứu để có thể vận hành thành công nhà máy. Năm 1977 đánh dấu một cột mốc quan trọng của Nhà

máy cà phê Biên Hòa và cũng là của ngành cà phê Việt Nam: lần đầu tiên, Việt Nam sản xuất thành công cà phê hòa tan.

### ***1978: cà phê hòa tan xuất khẩu***

Theo Nghị định thư Việt Nam ký kết với các nước trong hệ thống XHCN về hàng đổi hàng, từ 1978, Nhà máy Cà phê Biên Hòa bắt đầu xuất khẩu cà phê hòa tan đến các nước thuộc Liên Xô cũ và Đông Âu.

### ***1983: ra đời thương hiệu Vinacafé***



Trong suốt những năm 1980, Nhà máy Cà phê Biên Hòa vừa nghiên cứu cải tiến kỹ thuật để xây dựng quy trình sản xuất chuẩn, vừa sản xuất cà phê hòa tan xuất khẩu theo đơn đặt hàng của nhà nước. Cùng với địa chỉ sản xuất được ghi trên từng bao bì sản phẩm, tên “Vinacafé” bắt đầu xuất hiện ở thị trường Đông Âu bắt đầu từ 1983, đánh dấu thời điểm ra đời của thương hiệu Vinacafé.

### ***1990: trở lại Việt Nam***

Vào cuối những năm 1980, các đơn đặt hàng cà phê hòa tan Vinacafé ngày càng giảm, theo cùng với tốc độ diễn biến bất lợi của hệ thống XHCN ở Liên Xô và Đông Âu. Năm 1990, Vinacafé chính thức quay trở lại thị trường Việt Nam dù trước đó một số sản phẩm của Nhà máy Cà phê Biên Hòa đã được tiêu thụ ở thị trường này. Khi quay lại Việt Nam, các sản phẩm của Nhà máy cà phê Biên Hòa rất khó tìm được chỗ đứng, do trước đó thị trường cà phê Việt Nam đã được định hình bởi thói quen uống cà phê rang xay pha độn (hệ lụy từ chính sách ngăn sông cấm chợ, dẫn đến thiếu hụt cà phê nguyên liệu, người ta phải độn đậu nành, ngô và nhiều phụ gia khác vào cà phê).

### ***1993: Cà phê hòa tan 3 trong 1 ra đời***



Cà phê hòa tan 3 trong 1 Vinacafé ra đời đã được thị trường đón nhận nhanh chóng. Giải pháp đưa đường và bột kem vào cà phê đóng sẵn từng gói nhỏ đã giúp người Việt Nam lần đầu tiên được thỏa mãn thói quen uống cà phê với sữa mà không phải chờ cà phê nhỏ giọt qua phin. Cà phê hòa tan 3 trong 1 thành công nhanh đến mức thương hiệu Vinacafé ngay lập tức được Nhà máy Cà phê Biên Hòa đăng ký sở hữu trí tuệ tại Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới.

### ***1998: nhà máy thứ hai***



Năm 1998 đánh dấu một cột mốc quan trọng về sự lớn mạnh vượt bậc. Nhà máy chế biến cà phê hòa tan thứ hai được khởi công xây dựng ngay trong khuôn viên của nhà máy cũ. Nhà máy này có công suất thiết kế 800 tấn cà phê hòa tan/năm, lớn gấp 10 lần nhà máy cũ. Chỉ sau đó 2 năm, nhà máy mới đã chính thức được đưa vào vận hành để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường nội địa và xuất khẩu.

### ***2004: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa***

Ngày 29 tháng 12 năm 2004, Nhà máy cà phê Biên Hòa chuyển đổi loại hình doanh nghiệp - từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần. Yêu quý đưa con tinh thần, cộng với sự nổi tiếng

của thương hiệu Vinacafé, các cổ đông sáng lập (hầu hết là người của Nhà máy Cà phê Biên Hòa) đã đặt tên mới cho công ty là: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (Vinacafé BH, VCF). Đây cũng là thời điểm mở ra một chương mới cho lịch sử Công ty khi mà nó hoạch định lại chiến lược phát triển, viết lại sứ mệnh, tầm nhìn mới và xác định những giá trị cốt lõi của mình, trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế.

### **2010: Xây nhà máy thứ ba**



Ngày 15/12/2010, Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã khởi công xây dựng nhà máy chế biến cà phê hòa tan trên khu đất rộng gần 5 ha tại KCN Long Thành, Đồng Nai. Nhà máy thứ ba này có công suất 3.200 tấn cà phê hòa tan/năm, dự kiến khi đi vào hoạt động, mỗi năm nhà máy sẽ cung cấp ra thị trường hàng vạn tấn cà phê hòa tan 2 trong 1, 3 trong 1 theo công nghệ hiện đại của Châu Âu.

Cùng trong năm này, vào tháng 11/2010, Công ty đã đưa vào áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Năm 2010 Công ty cấu trúc lại bộ máy phòng ban trong Công ty bằng sự thành lập của phòng Cung ứng và phòng Marketing trên cơ sở từ phòng Kinh doanh.

### **2011: Niêm yết cổ phiếu**



Ngày 28/01/2011, toàn bộ 26.579.135 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa, tương đương 100% vốn điều lệ 265.791.350.000 đồng, chính thức được niêm yết tại sàn Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - HOSE với mã chứng khoán là VCF. Trong ngày giao dịch đầu tiên, giá khởi điểm của mỗi cổ phiếu VCF là 50.000 đồng.

Tháng 9/2011, Masan chào mua công khai cổ phiếu VCF và trở thành cổ đông lớn của VCF. Tính đến nay, Masan đang nắm giữ 68,46% vốn điều lệ của Vinacafé Biên Hòa.

### **2012: Hợp nhất hai hệ thống phân phối của VINACAFÉ BH VÀ MASAN CONSUMER.**



Vào quý I/2012, hợp nhất hai hệ thống phân phối của Vinacafé Biên Hòa và Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Masan Consumer”) tạo thành một hệ thống phân phối chung, phát triển lớn mạnh, rộng khắp và hoạt động hiệu quả.

Quý II/2012, phòng Nghiên cứu và phát triển sản phẩm R&D được thành lập trên cơ sở từ bộ phận Nghiên cứu sản phẩm mới của phòng KCS đáp ứng hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.

Cũng trong năm này, quý III/2012, Công ty đã triển khai hệ thống hoạch định tài nguyên doanh nghiệp (ERP) và bước đầu áp dụng hệ thống trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh.

### **2013: Vận hành dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan tại nhà máy Long Thành vào hoạt động**



Vào quý II/2013, Công ty đã bắt đầu vận hành thử nghiệm dây chuyền sản xuất cà phê hoà tan tại Nhà máy Long Thành.

Tháng 4/2013, nguyên Tổng Giám đốc Công ty – Ông Phạm Quang Vũ được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ngay sau đó, Ông Nguyễn Tân Kỳ được bổ nhiệm và chính thức là Tổng Giám đốc của Công ty.

Tháng 6/2013, Công ty đã có sự thay đổi lớn về cơ cấu tổ chức Công ty, các phòng, ban chức năng được sắp xếp phù hợp theo hướng chuyên môn hóa cũng như phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của từng phòng, ban chức năng để phát huy tối đa hiệu suất hoạt động đáp ứng ngày càng cao yêu cầu công việc, đảm bảo sự chỉ đạo xuyên suốt của cấp quản lý trực tiếp có thẩm quyền và phù hợp mục tiêu phát triển chung của Công ty.

Tách, thành lập các phòng ban mới của Công ty gồm: Phòng Hành chính, phòng Nhân sự, phòng Pháp chế, phòng Nghiên cứu và phát triển, phòng Quản lý chất lượng, phòng Kinh doanh xuất khẩu, phòng Kinh doanh nội địa, phòng Kinh doanh đặc biệt, phòng Kế hoạch, phòng Kho vận.

Tập trung nguồn lực phát triển các sản phẩm mới của Công ty.

### **2014: Khẳng định vị trí thương hiệu chủ lực: Vinacafé và Wake-up.**



Đầu tháng 3/2014: bằng cách thay đổi diện mạo bao bì mới, Công ty đã tái giới thiệu các sản phẩm cà phê sữa vàng truyền thống bao gồm: Cà phê hòa tan 3in1 Gold Original, Gold Gu đậm và Gold Gu đậm hơn, qua đó, khẳng định vị trí số 1 về cà phê hòa tan trên thị trường nội địa (chiếm 41% thị phần theo số liệu AC Nielsen 12/2014).



Với mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm, phát triển sản phẩm mới có nguồn gốc từ cà phê, vào ngày 30/3/2014, Vinacafé Biên Hòa đã tung sản phẩm nước tăng lực vị cà phê Wake-up Coffee 247, đánh dấu bước phát triển mới của Công ty khi chính thức bước chân vào ngành hàng nước giải khát với thị trường có tiềm năng rộng lớn.

Wake-up chính thức trở thành một nhãn hàng mạnh, mang lại doanh thu 1.200 tỷ đồng cho Công ty. Đặc biệt, sản phẩm Wake-up Café Sài Gòn - với công thức mới được tái tung ra thị trường vào năm 2013 đã nhận được sự chú ý đặc biệt vì tốc độ gia nhập nhanh chóng vào top 10 thương hiệu đồ uống hàng đầu tại Việt Nam sau khi mở rộng tầm bao phủ thêm 1,7 triệu hộ gia đình mới trong năm ngoái. Theo đó, Wake-up Café Sài Gòn đã được các hộ gia đình nông thôn lựa chọn 18 triệu lần (theo khảo sát về các nhãn hiệu hàng tiêu dùng nhanh được lựa chọn nhiều nhất của Kantar Worldpanel - tổ chức hàng đầu thế giới về nghiên cứu thị trường dựa trên chương trình nghiên cứu hành vi người tiêu dùng).

Tháng 10/2014, Vinacafé là thương hiệu cà phê duy nhất đại diện cho Việt Nam đồng hành cùng chương trình Tàu thanh niên Đông Nam Á và Nhật Bản tôn vinh giá trị Việt.

Từ tháng 01 năm 2015, Vinacafé chính thức được lựa chọn để phục vụ trên các chuyến bay của Hãng hàng không quốc gia VietNam Airlines.

## C. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
1.	1079 (chính)	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Sản xuất cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm. - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn. - Sản xuất sữa tách bơ và bơ. - Sản xuất sản phẩm cô đặc nhân tạo.
1.	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm - Bán lẻ ca cao, sô cô la, mút kẹo, đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn, sữa tách bơ và bơ, sản phẩm cô đặc nhân tạo, sữa và các thành phần khác từ sữa.
2.	4632	Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: - Bán buôn cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm - Bán buôn ca cao, sô cô la, mút kẹo, đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn, sữa tách bơ và bơ, sản phẩm cô đặc nhân tạo, sữa và các thành phần khác từ sữa.
3.	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Chi tiết: cho thuê nhà xưởng
4.	1073	Sản xuất ca cao, sô cô la, mút kẹo
5.	1050	Chế biến sữa và các thành phần khác từ sữa

## D. HỆ THỐNG PHÂN PHỐI HÀNG HÓA

### - Hệ thống phân phối trong nước:

🚦 Kể từ khi phát triển thương hiệu Vinacafé thành công đến người tiêu dùng, Vinacafé Biên Hòa đã tập trung vào việc xây dựng một hệ thống phân phối lớn mạnh về số lượng lẫn chất lượng với các nhà phân phối, đại lý, điểm bán lẻ phủ dài khắp 63 tỉnh thành.

🚦 Đến quý 1 năm 2012, hệ thống phân phối của Vinacafé Biên Hòa được sáp nhập vào hệ thống phân phối của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Masan Consumer”) tạo cú hích phát triển mạng lưới phân phối hàng hóa của Vinacafé Biên



Hòa đến tay người tiêu dùng một cách nhanh chóng, sâu rộng hơn nữa, từ thành thị đến nông thôn.

✚ Sang năm 2014, sau khi nhìn nhận rõ thực tế hệ thống phân phối chung giữa hai Công ty có nhiều bất cập khi không tương đồng về hàng hóa phân phối dẫn đến khó khăn cho việc mở rộng thị trường cũng như tiếp thị sản phẩm, lúc này Công ty TNHH MTV Masan Beverage (“Masan Beverage”) - một công ty thành viên của Masan Consumer - đã chính thức thiết lập và vận hành hệ thống phân phối mới chuyên biệt dành riêng cho các sản phẩm bột và nước - gọi chung là ngành hàng đồ uống (gồm các sản phẩm của Vinacafé Biên Hòa, Công ty Cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo (“Vĩnh Hảo”),...). Trên cơ sở đó, bộ phận phân phối của Vinacafé Biên Hòa và Vĩnh Hảo vận hành trên cùng nền tảng cơ sở hạ tầng của hệ thống phân phối mới nhưng với đội ngũ nhân viên bán hàng chuyên biệt. Điều này cho phép ngành hàng đồ uống nhanh chóng tung các sản phẩm mới ra thị trường với sự tập trung cao, phục vụ tốt nhất các yêu cầu của ngành hàng đặc thù.

✚ Không chỉ tập trung vào kênh phân phối truyền thống, hệ thống phân phối của Công ty còn triển khai mở rộng thêm các kênh bán sỉ depot, siêu thị và kênh hàng quán, đưa sản phẩm Công ty vào các nhà hàng, khách sạn nhằm tăng độ phủ thị trường cũng như tiếp thị sản phẩm đến nhiều thành phần người tiêu dùng hơn; triển khai và áp dụng thành công Hệ thống quản trị bán hàng đến từng điểm bán lẻ, hệ thống quản trị nhà phân phối (“DMS”) cho các nhà phân phối, điểm bán lẻ, nhân viên bán hàng nhằm cải thiện khả năng quản lý hệ thống phân phối và giúp Ban điều hành có tầm nhìn sâu sắc hơn để đưa ra các quyết sách chiến lược về bán hàng.

Như vậy, tính đến cuối năm 2016, hệ thống phân phối sản phẩm của Vinacafé Biên Hòa (hệ thống phân phối đồ uống của Masan Beverage) được xem là hệ thống phân phối mạnh, sâu, rộng nhất toàn quốc với hơn 180.000 điểm bán lẻ, phủ thị trường trên 63 tỉnh thành trên toàn quốc, 3 trung tâm phân phối tại Miền Bắc, miền Trung và miền Nam.



Vinacafé Biên Hòa trong buổi giới thiệu sản phẩm cà phê Original Buôn Ma Thuột mới tại Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột năm 2017.

#### - **Phân phối hàng hóa xuất khẩu - triển vọng tương lai.**

✚ Hiện tại, thương hiệu Vinacafé không chỉ phát triển ở thị trường nội địa mà còn mở rộng thị trường quốc tế bằng việc xuất khẩu sản phẩm cà phê hòa tan đến nhiều nước trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Canada, Đài Loan,... Doanh thu bán hàng xuất khẩu của Vinacafé Biên Hòa năm 2016 đạt 218.530.324.538 đồng, chiếm 7% tổng doanh thu bán hàng của Công ty.



## E. ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.

- Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Hai nhà máy sản xuất được đặt tại:



Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0613.836554

Fax: 0613.836108

E-mail: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

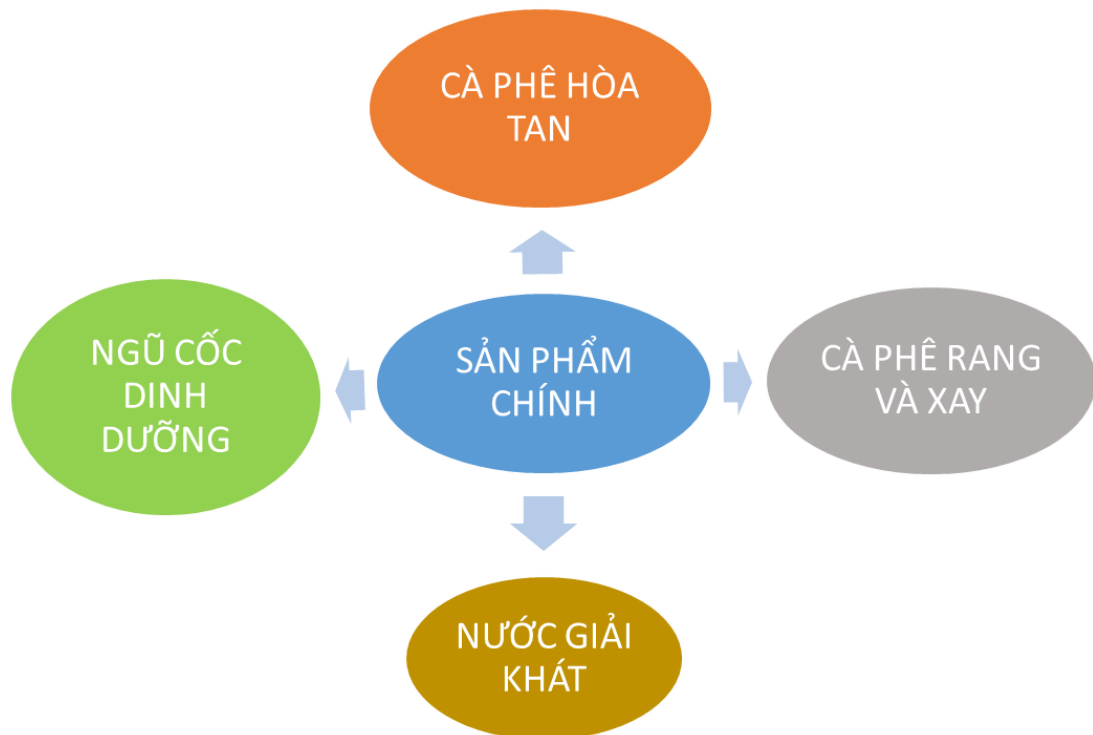


Địa chỉ: Lô C I.III -3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai (Đây cũng là Chi nhánh của Công ty)

E-mail: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)

- Ngoài Chi nhánh Nhà máy Cà phê Biên Hòa II đặt tại Nhà máy Long Thành, Công ty còn 07 chi nhánh được đặt tại các vị trí trọng điểm từ Bắc vào Nam, bao gồm:
  - Chi nhánh Hưng Yên- Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa: Quốc lộ 5A, Xã Dị Sử, Huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
  - Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa- Chi nhánh Hải Dương: KM48+450, Quốc lộ 5, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
  - Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa- Chi nhánh Nghệ An: Lô A27,A28,A29 khu A, Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Long, Huyện Nghi Lộc, Nghệ An.
  - Chi nhánh Đà Nẵng- Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa: Đường số 9, Khu công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.
  - Chi nhánh Bình Dương- Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa: số 20, Đại lộ Thống Nhất, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
  - Chi nhánh MSI- Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa: Lô 6, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
  - Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh: kho xưởng 1-6, cụm 1, đường M14, Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng, phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

## F. DANH MỤC SẢN PHẨM CHỦ LỰC CỦA CÔNG TY



### Các sản phẩm của Công ty:

- Trải qua khâu tuyển chọn nguyên liệu đầu vào kỹ càng;
- Được sản xuất bởi dây chuyền công nghệ hiện đại với hệ thống máy móc thiết bị được nhập khẩu từ nước ngoài, khép kín các công đoạn, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về chất lượng sản phẩm của các tiêu chuẩn sản xuất ISO 22000, FSSC 22000, ...;
- Kinh nghiệm gần 50 năm sản xuất cà phê, chúng tôi luôn giữ nguyên vẹn chất và hương vị nguyên bản của từng hạt cà phê, đem lại sản phẩm cà phê có chất lượng cao và ổn định;
- Giá thành hợp lý và đáp ứng nhu cầu thị hiếu của khách hàng.





# CÀ PHÊ RANG XAY



## G. THÀNH TÍCH CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2016

- Trong năm qua, Công ty đã thực hiện và cải tiến hệ thống quản lý về chất lượng, môi trường, năng lượng, an toàn sức khỏe, bệnh nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, an toàn thực phẩm thể hiện cam kết cao nhất của Công ty nhằm đáp ứng mong đợi của người tiêu dùng về sản phẩm an toàn, chất lượng cao, tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm và trách nhiệm với cộng đồng. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã đạt các chứng nhận sau:
  - Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008;
  - Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001: 2004;
  - Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn sức khỏe và Bệnh nghề nghiệp OHSAS 18001: 2007.
  - Giấy chứng nhận Hệ thống Quản lý Trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn SA8000:2008;
  - Giấy chứng nhận hệ thống Quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001: 2011.
  - Giấy chứng nhận hệ thống quản lý An toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005 cho nhà máy Biên Hòa;
  - Giấy chứng nhận hệ thống quản lý An toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn FSSC 22000 cho nhà máy Long Thành;
  - Giấy chứng nhận Halal Jakim theo tiêu chuẩn MS 1500:2009;Ngoài ra, Công ty còn được chứng nhận đăng ký FDA (Hoa Kỳ).
- Vinacafé Biên Hòa tự hào là doanh nghiệp 05 lần liên tiếp được lựa chọn là Thương hiệu quốc gia (2008 - 2016).
- Các giải thưởng, chứng nhận khác bao gồm:*
  - Giải thưởng chất lượng Quốc gia từ năm 2010 đến 2016;
  - Giải thưởng chất lượng Đồng Nai từ năm 2012 đến năm 2016.
  - Top 50 Thương hiệu giá trị Việt Nam năm 2016;
  - 20 năm liền đạt Hàng Việt Nam Chất lượng cao;
  - Tiếp tục được công nhận Thương hiệu Quốc Gia cho thời gian từ 2016 đến 2018;
  - Top 50 thương hiệu Việt Nam năm 2016 và là thương hiệu có giá trị vô hình lớn nhất Việt Nam do tổ chức Brand Finance điều tra và đánh giá.
  - Cúp vàng Cà phê vì sức khỏe cộng đồng tại Lễ Hội Cà phê Buôn Ma Thuật năm 2017 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trao tặng.



Tổng Giám đốc Nguyễn Tân Kỳ nhận giải thưởng Thương hiệu Quốc Gia (2016 – 2018) và giải thưởng Top 50 Thương hiệu Giá trị nhất Việt Nam.



## H. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

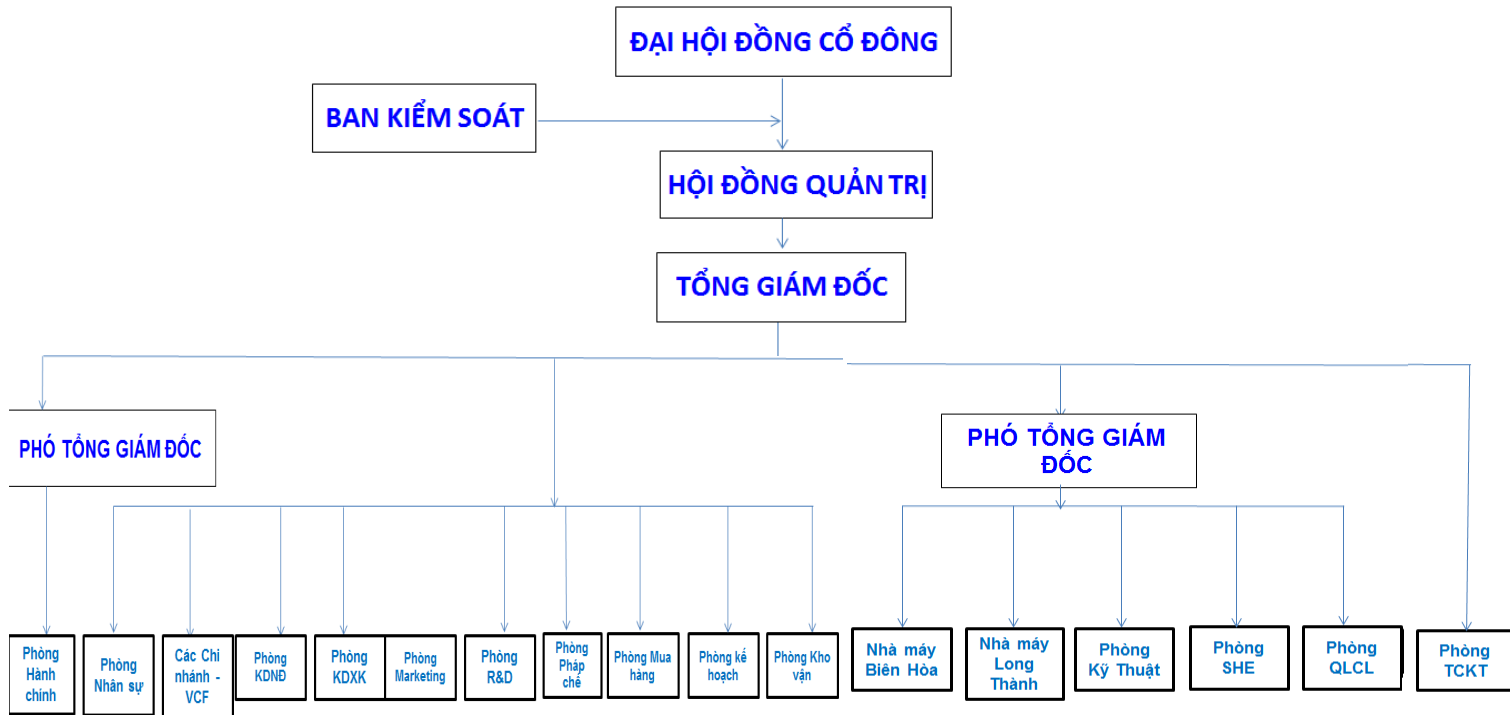
Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm có:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Ban điều hành.
5. Các phòng ban chức năng.

- Đại Hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa. Đại hội đồng Cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị, cơ quan quản lý cao nhất. Đại hội đồng Cổ đông cũng bầu ra Ban kiểm soát, giúp Đại hội đồng cổ đông kiểm soát nội bộ công ty. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc và hai Phó Tổng Giám đốc (gồm 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất; 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách Hành chính) và Kế toán trưởng để trực tiếp điều hành Công ty. Vinacafé Biên Hòa có cơ cấu khá đầy đủ phòng ban chuyên môn với 14 phòng ban chức năng, các chi nhánh đặt tại các tỉnh/ thành phố gồm: Hưng Yên, Hải Dương, Nghệ An, Đà Nẵng, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh và 02 nhà máy sản xuất (nhà máy Biên Hòa và nhà máy Long Thành) đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty hiện tại và tương lai.
- Hội đồng Quản trị là cơ quan quyết định tất cả những vấn đề quan trọng liên quan đến Công ty, có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Hiện nay, Hội đồng Quản trị của Công ty bao gồm 6 thành viên, hoạt động theo nhiệm kỳ 05 năm. Nhiệm kỳ hiện tại của Hội đồng Quản trị là từ năm 2015 đến năm 2020.
- Để giám sát hoạt động tài chính của Công ty, đại diện cho cổ đông giám sát tính hợp pháp các hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, bảo vệ quyền lợi cho Công ty và cổ đông, Đại hội đồng cổ đông đã bầu ra Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát của Công ty bao gồm 03 thành viên, trong đó cả 03 thành viên đều có trình độ chuyên môn về tài chính, hoạt động theo nhiệm kỳ 05 năm. Nhiệm kỳ hiện tại của Ban Kiểm soát là từ năm 2015 đến năm 2020.
- Ban Điều hành Công ty bao gồm 04 thành viên (01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc, 01 Kế toán trưởng), hoạt động theo chế độ thủ trưởng. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ hoạt động hàng ngày của Công ty.



## I. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



## J. CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:

✚ **Công ty con:** Hiện Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại CDN (địa chỉ trụ sở chính: số 10, đường Nội bộ Hưng Gia 2, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

✚ **Công ty liên kết:** Không.

## K. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY:

### Kế hoạch 10 năm 2015-2025:

- Duy trì vị trí dẫn đầu tại thị trường cà phê Việt Nam.
- Xuất khẩu cà phê chế biến đến các thị trường trọng điểm.
- Từng bước thâm nhập thị trường đồ uống có nguồn gốc từ cà phê và các sản phẩm thực phẩm khác.
- Đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới, làm cho cà phê trở thành một thức uống được ưa chuộng và sử dụng hàng ngày trên khắp Việt Nam.
- Phát triển thương hiệu VINACAFÉ rộng khắp, lớn mạnh, đủ tầm phát triển.

Trong 10 năm tới, bằng khát vọng tiên phong và chiến lược phát triển kinh doanh bền vững, Vinacafé Biên Hòa tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu tại thị trường cà phê Việt Nam, làm cho cà phê trở thành một thức uống được ưa chuộng và sử dụng hàng ngày trên khắp Việt Nam. Bên cạnh đó, bằng việc sở hữu thương hiệu Vinacafé - giá trị di sản văn hóa Việt - chúng tôi sẽ luôn giữ trọn vẹn thương hiệu đúng với bản chất di sản và luôn bền vững trên giá trị thật tồn tại gần 50 năm qua, nâng tầm cho nó trở thành một thương hiệu Quốc gia được nhận diện trên toàn thế giới, trở thành biểu tượng của cà phê Việt Nam để người tiêu dùng trên khắp thế giới khi nhắc đến cà phê Việt Nam sẽ nghĩ đến Vinacafé.

Vinacafé Biên Hòa sẽ tiếp tục là một doanh nghiệp lớn, sở hữu nhiều thương hiệu mạnh, đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng khắp thế giới bằng sản phẩm chủ lực là cà phê và các sản phẩm thực phẩm, đồ uống, nước giải khát có nguồn gốc từ cà phê chất lượng cao, giá cả hợp lý trên cơ sở thấu hiểu nhu cầu của họ và tuân thủ giá trị cốt lõi của công ty. Đồng thời, Vinacafé Biên Hòa cũng xây dựng một văn hóa doanh nghiệp rõ ràng, phù hợp, định hướng các mối quan hệ hướng về người tiêu dùng, về xã hội và người lao động, các chủ sở hữu:

- Đối với người tiêu dùng là tạo niềm tin của họ đối với các sản phẩm và dịch vụ của công ty.
- Đối với xã hội và môi trường là sự đảm bảo các trách nhiệm về việc giữ vững môi trường thân thiện và phát triển bền vững.
- Đối với người lao động và các chủ sở hữu là luôn đảm bảo lợi ích các cổ đông và tính nhân văn.

Với hình ảnh của doanh nghiệp như trên đã giúp cho Cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa luôn ý thức được trách nhiệm của họ trong việc góp phần tạo nên sự phát triển cho công ty, cùng kề vai sát cánh đóng góp sức lực của mình đưa Công ty vượt qua mọi khó khăn cùng với niềm tự hào được làm việc tại Công ty có truyền thống lâu đời.

### **Các giải pháp chiến lược:**

#### **Về sản xuất:**

- Đầu tư thiết bị máy móc mới, hiện đại và mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh nhằm tăng năng suất lao động. Kiểm soát tốt chi phí theo định mức.
- Cải tiến hệ thống thiết bị máy móc sẵn có, điều chỉnh thông số kỹ thuật máy để phù hợp với chương trình sản xuất hiện tại.
- Đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, theo đó, cùng với việc giữ vững sản phẩm cà phê truyền thống, tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm nước giải khát có nguồn gốc từ cà phê.

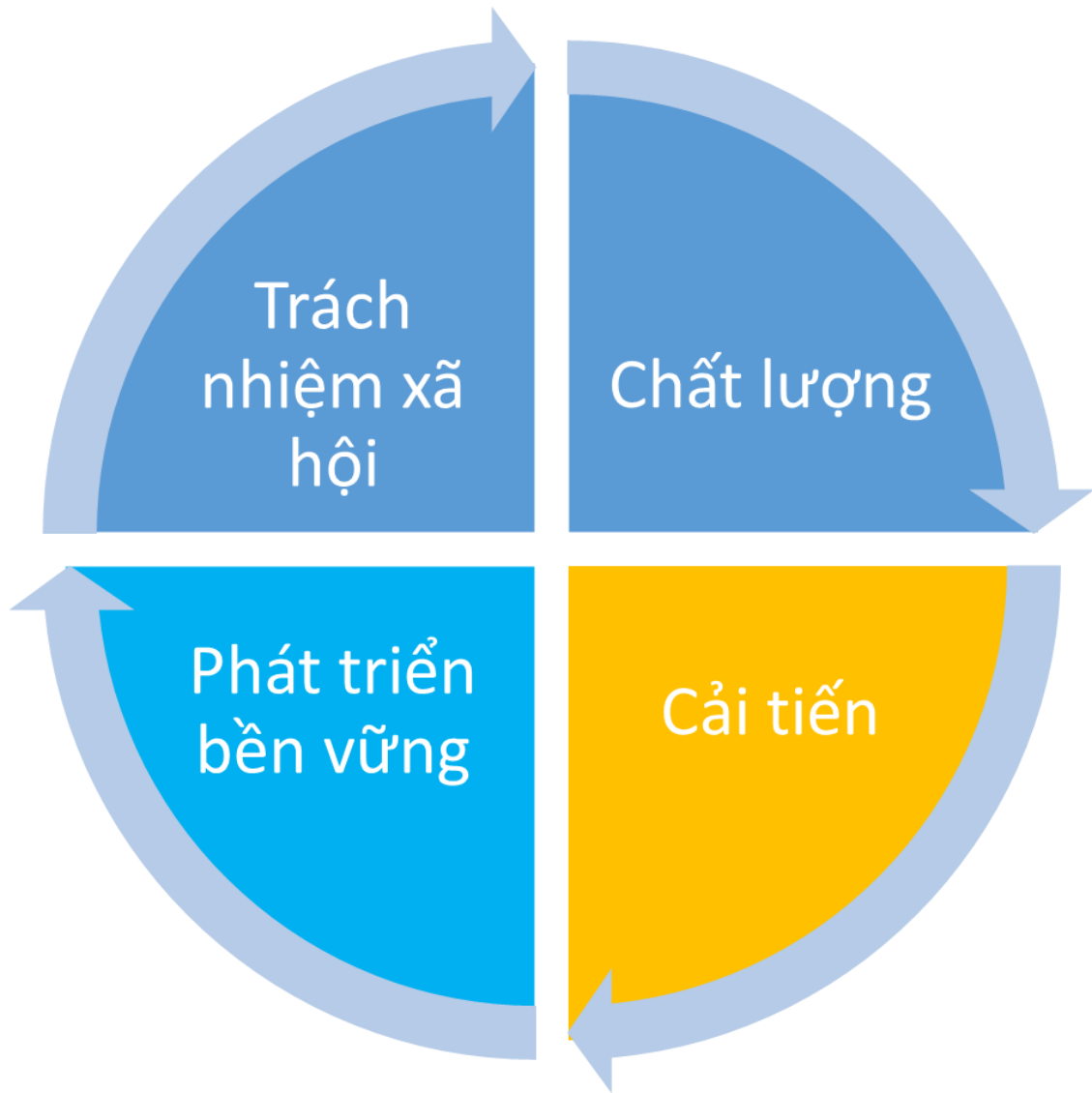
#### **Về nguồn nhân lực:**

- Luôn coi nguồn nhân lực là tài sản quan trọng nhất của Công ty.
- Tuyển dụng nhân tài có chuyên môn giỏi đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Xây dựng, chăm sóc, đào tạo nguồn nhân lực trẻ, giỏi nhằm mang tính kế thừa.
- Chú trọng công tác đào tạo nhân lực bằng nhiều hình thức phù hợp nhằm nâng cao tay nghề, chuyên môn, kỹ năng làm việc của cán bộ công, nhân viên Công ty.
- Hoàn thiện chính sách đãi ngộ người lao động phù hợp để tương xứng với công sức đóng góp cũng như giữ vững sự gắn bó, gắn kết của người lao động với Công ty.

**Về thị trường kinh doanh:**

- Ngày càng hoàn thiện hệ thống phân phối sản phẩm, nâng cao năng lực kênh phân phối nhằm tăng cường mở rộng thị trường. Đẩy mạnh phân phối hàng bằng kênh siêu thị, chợ nhỏ lẻ.
- Tiếp tục nghiên cứu nhu cầu người tiêu dùng để thực hiện phát triển sản phẩm mới, cải tiến các sản phẩm hiện tại ngày càng tốt hơn.
- Mở rộng đối tượng tiêu dùng phân khúc bình dân.
- Tìm kiếm các thị trường xuất khẩu còn nhiều tiềm năng mà sản phẩm Công ty chưa thâm nhập được, đẩy mạnh phân phối hàng ở các thị trường quốc tế hiện tại.
- Nâng cao năng lực bán hàng, marketing hiệu quả.
- Công nghệ số hóa trong quản lý bán hàng và kinh doanh.





**PHẦN 2:  
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG  
CỦA CÔNG TY NĂM 2016**

## **A. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016**

### **1. Bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và kinh tế trong nước năm 2016:**

- Kinh tế Việt Nam đã trải qua năm 2016 với nhiều khó khăn trước những biến động lớn của nền kinh tế toàn cầu. Kinh tế thế giới, đặc biệt tại các nước phát triển, ẩn chứa nhiều yếu tố bất định. Nổi bật nhất trong số đó là sự kiện nước Anh quyết định rời khỏi Liên minh châu Âu (EU) sau một cuộc trưng cầu dân ý (Brexit) và chiến thắng của ông Donald Trump trong cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ hồi tháng 11/2016.
- Riêng Việt Nam, tăng trưởng kinh tế của 2 quý đầu năm 2016 lần lượt là 5,48% và 5,78% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù, được phục hồi trong nửa cuối năm nhưng tăng trưởng kinh tế cả năm chỉ đạt 6,21%, thấp hơn mức 6,68% năm 2015 và mục tiêu 6,3% mà Chính phủ đặt ra trong phiên họp thường kỳ tháng 9/2016. Chỉ số giá tiêu dùng có xu hướng tăng trở lại, đặc biệt trong những tháng cuối năm 2016. Giá cả các loại hàng hóa cơ bản phục hồi kết hợp với điều chỉnh giá nhóm dịch vụ giáo dục và y tế đã gây ra sức ép lên lạm phát trong nước. Tính tới cuối năm, chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,74% so với tháng 12/2015 và có xu hướng gia tăng lạm phát.

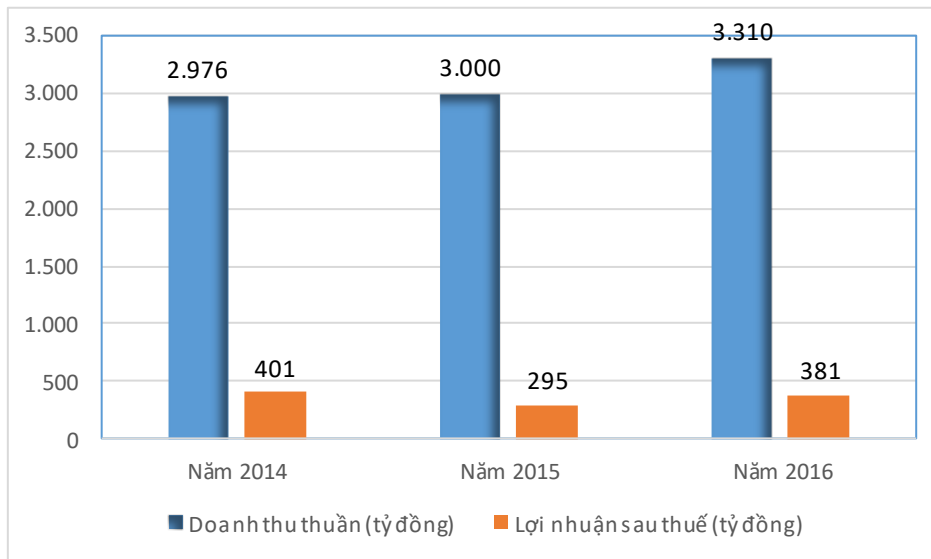
### **2. Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.**

Cùng chịu sự tác động không nhỏ của biến động kinh tế trong nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinacafé Biên Hòa cũng đã gặp nhiều khó khăn thách thức:

- Hoạt động trồng cà phê tại các vùng nguyên liệu chính của Vinacafé Biên Hòa vẫn chưa được quan tâm đúng mức để duy trì chất lượng hạt cà phê và cải thiện năng suất, lại thêm sự bất ổn về giá cà phê trên thế giới dẫn đến giá cà phê nhân trong 05 năm trở lại đây luôn tăng bất ổn định ảnh hưởng đến trong việc mua đầu vào, trữ hàng nguyên liệu và giá thành sản phẩm của Công ty năm vừa qua;
- Lạm phát gia tăng; biến đổi khí hậu: hạn hán, xâm nhập mặn tại khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long; liên tục những đợt lũ trong các tháng cuối năm tại các tỉnh miền Trung và sự cố môi trường biển xảy ra cuối tháng 4 tại vùng biển các tỉnh Bắc Trung Bộ đã gây ảnh hưởng lớn đến sức mua của người tiêu dùng;
- Sức mua thị trường còn giảm do kinh tế khó khăn, thu nhập không tăng, người tiêu dùng chi tiêu chủ yếu vào các mặt hàng thiết yếu;
- Chi phí khuyến mại, quảng cáo, marketing sản phẩm tăng cao;
- Sự cạnh tranh khốc liệt của các đối thủ trong và ngoài nước.

***Tuy vậy, vượt lên những khó khăn đó, Vinacafé Biên Hòa đã có một năm kinh doanh với kết quả được đánh giá thành công như sau:***

- Doanh thu thuần: 3.310 tỷ đồng, bằng 110% so với năm 2015, vượt 16% so với kế hoạch và 10% so với doanh thu năm 2015. Đây cũng là mức doanh thu cao đạt mức kỷ lục từ trước đến nay.
- Lợi nhuận sau thuế: 381 tỷ đồng, vượt 52% so với kế hoạch và 29% so với lợi nhuận sau thuế năm 2015.



**Về nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:**

- Trong năm qua, Công ty đã ra mắt giải pháp mới về cà phê rang xay Phin điện Vinacafé Café de Nam là sự kết hợp dựa trên công nghệ pha máy hiện đại của thế giới và bí quyết pha phin độc đáo của Việt Nam.
- Sản phẩm cà phê hòa tan 3 trong 1 Vinacafé Original Buôn Ma Thuật được tuyển chọn từ 100% hạt cà phê Buôn Ma Thuật cũng được giới thiệu đến người tiêu dùng trong năm nay và nhận được nhiều phản hồi tích cực.

**B. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

**1. Ban điều hành:** Danh sách Ban điều hành Công ty cụ thể gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết tại Công ty	Ghi chú
1.	Nguyễn Tân Kỳ	Tổng Giám đốc	0%	Tái bổ nhiệm chức danh kể từ ngày 21/4/2015
2.	Đoàn Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	0%	Được bổ nhiệm chức danh kể từ ngày 21/4/2015
3.	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	0.04%	-
4.	Phan Thị Thúy Hoa	Kế toán trưởng	0%	Được bổ nhiệm chức danh kể từ ngày 21/4/2015





**Ông Nguyễn Tân Kỳ**

Chức vụ:  
Tổng Giám đốc

**Ông Đoàn Quốc Hưng**

Chức vụ:  
Phó TGD

**Ông Nguyễn Thanh Tùng**

Chức vụ:  
Phó TGD

**Bà Phan Thị Thúy Hoa**

Chức vụ:  
Kế toán trưởng

**Ông Nguyễn Tân Kỳ** được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 13/5/2013.

Sinh ngày: 10/02/1968.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Hệ thống điện và Cử nhân Quản trị kinh doanh. Ông Nguyễn Tân Kỳ đã có thời gian 11 năm học tập và nghiên cứu tại Liên bang Nga (từ 1986 đến 1997).

Quá trình công tác:

1997- 2000	Phó Giám đốc Tài chính Công ty TNHH Foodtec – Thành viên Tập đoàn MaSan.
2001-2005	Giám đốc Công ty TNHH Foodtec – Thành viên Tập đoàn MaSan.
2003-2009	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp MaSan.
2010 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp MaSan).
13/05/2013 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

**Ông Đoàn Quốc Hưng** là Phó Tổng Giám đốc sản xuất của Công ty

Sinh ngày: 08/10/1972.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa –phân tích.

Quá trình công tác:

1990-1994	Học đại học tại Đại học tổng hợp TPHCM
1994-2014	Công tác tại các Công ty: Trung tâm Hóa Mỹ Phẩm Quận 5 – TP.HCM; Công ty giám định MeKong; Công ty Fujitsu Việt Nam; Công ty Cổ phần vận tải Quốc tế Sa Tiến; Công ty Vitec Food; Công ty TNHH MTV Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến; Công ty TNHH MTV Bao Bì Minh Việt; Công ty TNHH MTV Công nghiệp Masan.
8/2013	Giám đốc sản xuất Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
4/2015-nay	Phó TGD Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

**Ông Nguyễn Thanh Tùng** được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty từ tháng 02/2002, đến tháng 6/2013 ông Tùng được phân công làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách về Hành chính.

Sinh ngày: 13/7/1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh và Cử nhân Ngoại ngữ.

Quá trình công tác:

10/1990- 5/1993	Cán bộ lâm trường Tân Phú, Đồng Nai.
6/1993-12/1995	Cán bộ xí nghiệp khai thác lâm sản Đồng Nai.
12/1996- 08/2000	Nhân viên P. Kinh doanh Nhà máy cà phê Biên Hòa.
09/2000- 05/2002	Trưởng Chi nhánh Hà Nội Nhà máy cà phê Biên Hòa.
06/2002- 12/2004	Trưởng bộ phận Marketing Nhà máy cà phê Biên Hòa.
01/2005- 12/2009	Trưởng bộ phận Marketing Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa.
01/2010- 01/2012	Trưởng phòng Marketing Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa.
Từ tháng 02/2012	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
Từ tháng 6/2013 đến nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách về Hành chính Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Bà **Phan Thị Thúy Hoa** được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 21/4/2015.

Sinh ngày: 26/11/1977.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

1995 -1999	Học tại trường Đại học Kinh tế Tp.HCM
1999-2000	Nhân viên Kế toán tổng hợp của Cty TNHH TM Ròng Việt – Rinnai Việt Nam.
2001-2013	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến
2014-nay	-Trưởng bộ phận kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan. - Phó giám đốc kế toán tài chính - Khối tổng hợp Cty CP Hàng Tiêu Dùng Masan. - Kế toán trưởng Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan. - Kế toán trưởng Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage.
4/2015-nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa.

## 2. Chính sách lao động:

- Với nhận thức “Con người là tài sản quý giá nhất tạo nên giá trị cho doanh nghiệp”, Vinacafé Biên Hòa luôn tự hào khi chúng tôi sở hữu nguồn nhân lực lớn, mạnh cả về số lượng và chất lượng. Tính đến ngày 20/3/2017, toàn công ty có 375 cán bộ công nhân viên, đảm bảo cho sự vận hành thông suốt, hiệu quả của bộ máy quản lý doanh nghiệp từ văn phòng đến khu vực sản xuất.
- Về chất lượng nguồn lao động, hầu hết cán bộ công nhân viên của Công ty đều có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm làm việc lâu năm trong ngành cà phê. Tỷ lệ lao động có trình độ từ Đại học trở lên chiếm 34,5% tổng số lao động. Tỷ lệ lao động phổ thông làm công việc đơn giản đang ngày càng được tinh giản dần do Công ty đầu tư hệ thống máy móc, thiết bị tự động hóa khép kín theo quy trình sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu khắt khe về chất lượng sản phẩm.
- Tại Vinacafé Biên Hòa, toàn thể cán bộ công nhân viên đã gắn bó làm việc với nhau gần 50 năm thành lập, tồn tại và phát triển công ty, do đó, họ coi công ty như là ngôi nhà thứ hai của mình, luôn kề vai sát cánh với Ban lãnh đạo công ty, đưa công ty vượt qua mọi khó khăn. Đặc biệt, tại công ty có nhiều trường hợp cả gia đình, vợ chồng, con, anh em cùng làm trong công ty, điều đó thực sự là sự gắn kết tuyệt vời giữa công ty và gia đình, công ty chính là gia đình lớn của người lao động.
- Chính vì thế, việc thực hiện các chính sách đãi ngộ, tri ân những kết quả mà người lao động đã đóng góp cho công ty luôn là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo Công ty

### *Về chế độ làm việc:*

- Đối với bộ phận gián tiếp sản xuất (khối văn phòng), công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần; đối với khối trực tiếp sản xuất tổ chức làm việc theo ca. Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về ngày, giờ làm việc, giờ nghỉ ngơi tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên có thời gian nghỉ ngơi hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả công việc.
- Người lao động được chăm sóc sức khỏe đầy đủ, được khám bệnh nghề nghiệp hàng năm nhằm phát hiện và điều trị bệnh kịp thời, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và mua bảo hiểm tai nạn đầy đủ.
- Người lao động được ký kết hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật, ký kết thỏa ước lao động tập thể với công ty.
- Công ty đã thành lập mạng lưới an toàn viên về An toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, xây dựng các phương án đối phó với các trường hợp khẩn cấp.
- Đời sống người lao động được quan tâm, người lao động được thăm hỏi, động viên, hỗ trợ kịp thời khi bị ốm đau hoặc gia đình có ma chay, hiếu, hi,...
- Các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí được tổ chức thường xuyên nhằm tạo sự thoải mái và phấn khởi, vui tươi trong cán bộ, công nhân viên (Hàng năm công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ dưỡng tại các địa điểm du lịch, tổ chức cắm trại cho đoàn viên thanh niên, tổ chức dã ngoại cho các cháu thiếu nhi vào ngày quốc tế thiếu nhi,...).





- Người lao động được xem xét nâng lương, nâng bậc hàng năm hoặc đột xuất khi có thành tích đóng góp nổi bật.
- Công ty tổ chức xe đưa đón hàng ngày cho các nhân viên tại Thành phố Hồ Chí Minh làm việc tại công ty.
- Được đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên và được khuyến khích tham gia các khóa tự đào tạo.

#### ***Về môi trường làm việc:***

Công ty chú trọng vào việc xây dựng môi trường làm việc đảm bảo an toàn, thân thiện và thoải mái về mặt tâm lý cho người lao động, tạo sự gắn kết giữa người lao động với Công ty. Cụ thể như:

- Đối với khối hành chính, văn phòng: Các khu vực làm việc đảm bảo điều kiện ánh sáng, nhiệt độ, độ ồn, bụi,... các phương tiện làm việc cá nhân như máy vi tính, máy tính, máy in, điện thoại, đường truyền internet, mạng nội bộ,... được trang bị đầy đủ.
- Đối với các khu vực sản xuất trực tiếp: Nguồn nước phục vụ ăn uống và sinh hoạt đảm bảo luôn đầy đủ và hợp vệ sinh, hệ thống nhà vệ sinh, nhà tắm, phòng thay đồ, tủ cá nhân được trang bị đầy đủ.
- Công ty có nhà bếp và đội ngũ nhân viên cấp dưỡng riêng để đảm bảo chất lượng bữa ăn giữa ca cho người lao động được phục vụ tốt nhất, các bữa ăn giữa ca được bộ phận y tế của công ty giám sát về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm theo đúng quy định.
- Người lao động làm việc tại các khu vực sản xuất bị ảnh hưởng bụi, độ ồn đều được trang bị các phương tiện bảo hộ cá nhân đầy đủ, được phụ cấp độc hại theo quy định của pháp luật.
- Việc kiểm soát về an toàn thiết bị được ưu tiên hàng đầu, các thiết bị áp lực được kiểm định theo quy định, các thiết bị phòng cháy chữa cháy được trang bị đầy đủ. Công ty đã thành lập ban phòng cháy chữa cháy để triển khai và giám sát các kế hoạch phòng cháy chữa cháy tại công ty.
- Công ty tuân thủ quy định pháp luật về môi trường, được giám sát thường xuyên, đảm bảo nguồn nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn loại A.

#### ***Về chế độ lương, thưởng:***

- Trong những năm qua, Vinacafé Biên Hòa đã duy trì chế độ lương, thưởng thích hợp, đúng quy định pháp luật, thu nhập bình quân của người lao động ổn định và tăng hàng năm theo kết quả kinh doanh của Công ty.
- Công ty thực hiện việc chi trả lương cho cán bộ công nhân viên tùy thuộc vào từng chức danh công việc được phân công, độ phức tạp của công việc, chức vụ, ngày công lao động và tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, đảm bảo công bằng hợp lý, tuân thủ pháp luật và nâng cao đời sống của công nhân viên trong Công ty.
- Hàng năm đều có xem xét nâng lương, nâng ngạch/bậc lương cho mỗi cán bộ công nhân viên, tạo động lực để người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có điều kiện phấn đấu liên tục, góp sức cho sự phát triển của Công ty.
- Căn cứ vào lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh từng năm, người lao động được thưởng theo định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty luôn khuyến khích và xem xét thưởng đột xuất cho cán bộ công nhân viên có nhiều đóng góp, sáng kiến kỹ thuật đem lại hiệu quả năng

suất công việc cao, lợi nhuận đáng kể cho công ty. Mức thưởng cụ thể sẽ do Tổng Giám đốc quyết định đối với từng trường hợp.

**Về tuyển dụng và Đào tạo- phát triển nguồn nhân lực:**

- Trong năm qua, công ty đã chú trọng đến vấn đề tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại công ty. Các nhân sự chủ chốt, các vị trí công việc chuyên môn thuộc khối văn phòng và quản lý, lao động phổ thông, ... được tuyển dụng đủ đáp ứng được nhu cầu công việc hiện tại. Bên cạnh đó, công ty khuyến khích cán bộ công nhân viên tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức những khóa học nâng cao kỹ năng cho cán bộ công nhân viên (cử cá nhân đi học, mời giáo viên về công ty giảng dạy...).

**C. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN: không.**

**D. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016 (đồng)	Năm 2015 (đồng)	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	3,140,259,827,025	2,529,460,454,803	24%
2	Doanh thu thuần	3,309,723,487,216	2,999,669,914,752	10%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	455,616,801,254	310,540,210,060	47%
4	Lợi nhuận khác	(294,294,216)	187,466,540	-257%
5	Lợi nhuận trước thuế	455,322,507,038	310,727,676,600	47%
6	Lợi nhuận sau thuế	380,948,745,220	295,350,751,731	29%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	% tăng giảm
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	2.35	2.55	-8%
	+ Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn- hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn	2.16	2.13	1%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số nợ/ tổng tài sản	32%	30%	1%
	+Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	46%	43%	3%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+Vòng quay hàng tồn kho = giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân	8.71	6.33	38%
	+Doanh thu thuần/ tổng tài sản	1.05	1.19	-11%

4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	12%	10%	2%
	+Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	18%	17%	1%
	+Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần	14%	10%	4%
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	12%	12%	0%

## E. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU.

### ❖ CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	26.579.135
Loại cổ phần đang lưu hành	Cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	26.579.135
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Không có

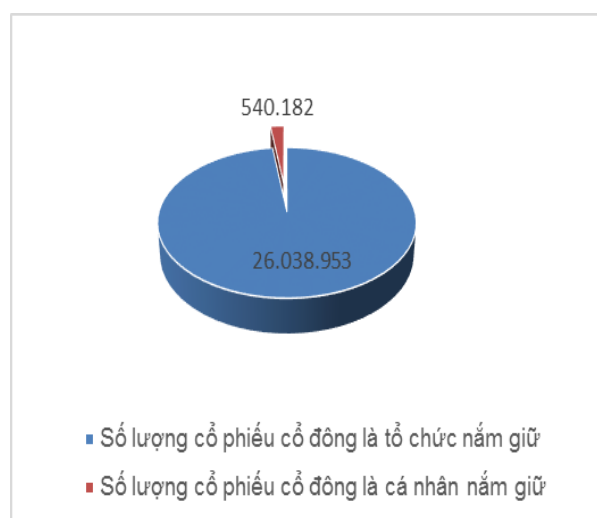
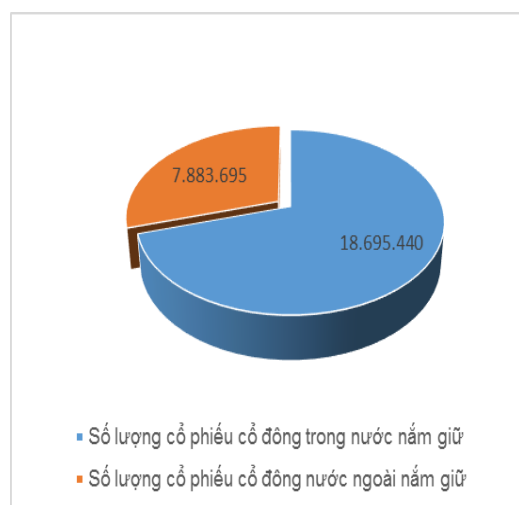
### ❖ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

- Tổng số cổ đông của Công ty: 339 cổ đông (theo Danh sách cổ đông chốt ngày 20/3/2017 bởi Trung tâm lưu ký chứng khoán chi nhánh Hồ Chí Minh), nắm giữ 26.579.135 cổ phần của Công ty.

- Cơ cấu cổ đông:

Trong 339 cổ đông, có đến 278 cổ đông là cá nhân, tổ chức trong nước (chiếm hơn 82% cổ đông Công ty) và 61 cổ đông là cá nhân, tổ chức nước ngoài (chiếm gần 18% cổ đông Công ty) với số lượng cổ phần cụ thể như sau:

1 Cổ đông trong nước	18.695.440	70,34%
- Cá nhân	499.257	1,88%
- Tổ chức	18.196.183	68,46%
2 Cổ đông nước ngoài	7.883.695	29,66%
- Cá nhân	40.925	0,15%
- Tổ chức	7.842.770	29,51%



- **Cổ đông lớn:** Công ty hiện nay có 02 cổ đông lớn, bao gồm:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỉ lệ
1	Công ty TNHH MTV Masan Beverage	18.195.774	68,46%
2	Gaoling Fund, LP	6.200.000	23,33%

- ❖ **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không thay đổi.**

- ❖ **Giao dịch cổ phiếu quỹ: không.**



## F. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Sản phẩm an toàn, bảo vệ môi trường và mối quan tâm xã hội luôn là tiêu chí quan trọng của Công ty trong suốt quá trình kinh doanh. Đối với Vinacafé Biên Hoà, chúng tôi luôn xác định công ty chỉ có thể phát triển bền vững khi biết kết hợp tăng trưởng kinh tế, sản xuất kinh doanh kết hợp với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội.

Bên cạnh mục đích sản xuất, Công ty luôn đặt trách nhiệm bảo vệ môi trường lên ưu tiên hàng đầu. Trong suốt thời gian hoạt động, Vinacafé Biên Hoà luôn chấp hành tốt ý thức bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật và là thành viên của Hội bảo vệ thiên nhiên tỉnh nhà.



### ***Đối với công tác bảo vệ môi trường:***

- *Về sử dụng nguồn nguyên liệu:* Công ty thực hiện việc sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên nhiên liệu thông qua các hoạt động: kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào, sử dụng nguyên liệu một cách hợp lý trong quá trình sản xuất và có các giải pháp tái sử dụng nguyên liệu dư thừa, không sử dụng như ký kết Hợp đồng với đơn vị cung cấp thu gom bã, trâu, vỏ cà phê để sản xuất phân bón, tái chế,...
- *Về sử dụng năng lượng:* Kiểm soát nguồn năng lượng chặt chẽ, đánh giá nguồn năng lượng hiện tại và đề ra các giải pháp sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng bằng việc xây dựng, duy trì và luôn cải tiến Hệ thống quản lý nguồn năng lượng ISO 50001:2011.
- *Về sử dụng nguồn nước:* Công ty luôn đề cao và yêu cầu toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty thực hiện chính sách tiết kiệm nước trong sinh hoạt và sản xuất. Hiện nay, một phần lượng nước thải ra tại nhà máy Long Thành sau khi được xử lý đạt chuẩn A đã được sử dụng để tưới cây trong khuôn viên nhà máy.
- *Về quản lý nguồn rác thải rắn và chất thải nguy hại:* Đối với chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp, Công ty giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý hoặc tái chế. Đối với chất thải nguy hại, Công ty thực hiện việc lưu trữ theo đúng quy định và giao cho đơn vị có chức năng xử lý.
- *Về nguy cơ cháy nổ:* trang bị đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, lập phương án phòng cháy chữa cháy, thiết lập hệ thống báo cháy tự động tại các khu vực trong văn phòng và nhà máy, định kỳ kết hợp với lực lượng phòng cháy chữa cháy của Công ty cùng lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp giáo dục, tuyên truyền ý thức phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên.
- *Về môi trường làm việc:* Xây dựng môi trường sạch sẽ, không gian thông thoáng tại nơi làm việc. Trong năm vừa qua, công tác xây dựng môi trường làm việc xanh, sạch, khoa học được tập thể Công ty hết sức quan tâm, cụ thể chương trình 5S được triển khai và thực hiện triệt để tại các bộ phận phòng ban toàn Công ty (chú ý nhất đến khu vực xưởng sản xuất) góp phần nâng cao hiệu quả công việc đồng thời cũng tránh được những lãng phí không cần thiết ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.

### ***Đối với trách nhiệm với cộng đồng xã hội:***

- Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động thông qua các hoạt động thăm hỏi, động viên kịp thời người lao động khi có việc hiếu, hỷ, ốm đau; nâng cao trình độ chuyên môn; tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, công bằng; tổ chức chăm lo sức khỏe cho người lao động.
- Bảo vệ môi trường khu vực xung quanh.
- Đóng góp, tài trợ các chương trình, hoạt động xã hội từ thiện do tổ chức ban ngành tổ chức.



Một góc xanh nhỏ ngay trong khu vực sản xuất của Công ty (nhà máy Biên Hòa).



Mảng xanh, sạch, đẹp tại Nhà máy Long Thành.







**PHẦN 3:  
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGUYỄN TÂN KỶ**

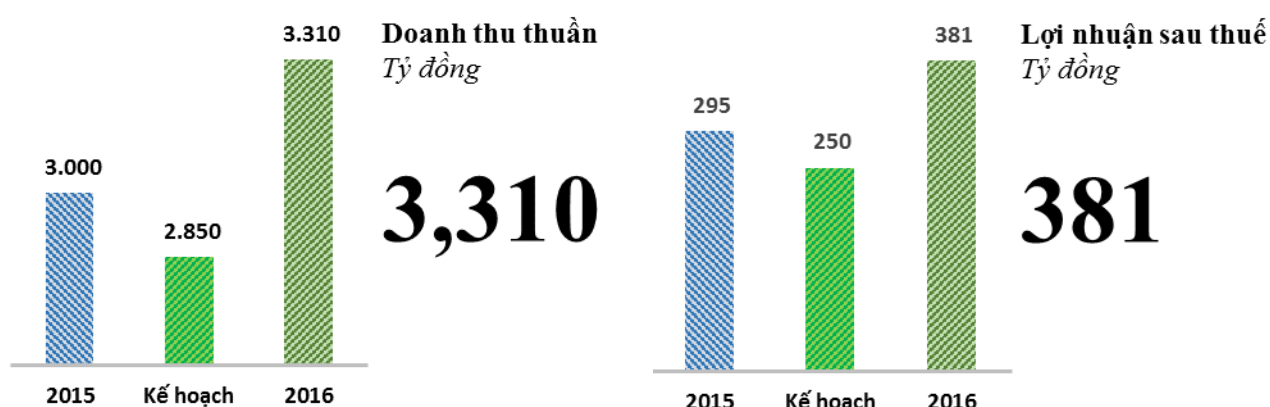
## A. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2016

Tuy tình hình kinh tế chung năm 2016 vẫn còn rất nhiều khó khăn, các sự cố về biên, hạn hán tại miền Trung, thiên tai ngập mặn tại Miền Tây ảnh hưởng không ít đến sức mua của người tiêu dùng nhưng kết quả kinh doanh của Vinacafé BH đạt được thật đáng khích lệ và tự hào. Chúng ta đã hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2016. Cụ thể, về doanh thu chúng ta đã đạt mức doanh thu cao kỷ lục từ trước đến nay 3.310 tỷ, vượt 16% so với kế hoạch và 10% so với doanh thu năm 2015. Lợi nhuận sau thuế chúng ta vượt 52% so với kế hoạch đạt mức 381 tỷ, cao hơn kết quả kinh doanh năm 2015 29%.

### TẦM NHÌN 2020

*Luôn luôn đổi mới để cách mạng hóa cách thưởng thức cà phê của hàng triệu người VN & toàn thế giới với ly cà phê nguyên bản ngon độc đáo kiểu Việt Nam.*

	Dvt	2015	2016	Tăng trưởng	
<b>Doanh thu thuần</b>	Tỷ đồng	3,000	3,310	310	10%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Tỷ đồng	295	381	86	29%
		Kế hoạch	2016	Thực hiện kế hoạch	
<b>Doanh thu thuần</b>	Tỷ đồng	2,850	3,310	460	16%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Tỷ đồng	250	381	131	52%



Một số điểm nổi bật dẫn đến kết quả kinh doanh tốt trong năm 2016:

1. Mức tăng trưởng tốt của Nước tăng lực vị cà phê Wake-up 247 và đây cũng là minh chứng cho quyết định của công ty đầu tư vào lĩnh vực nước giải khát có nguồn gốc cà phê là hoàn toàn đúng đắn. Chỉ trong khoảng thời gian chưa đến 3 năm kể từ khi xuất hiện, sản phẩm Nước tăng lực vị cà phê Wake-up 247 đã được thị trường tiếp nhận và tạo đà tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2016, tiến tới mục tiêu nhân hàng 1.000 tỷ đồng doanh thu trong thời gian tới.
2. Phục hồi sự tăng trưởng mạnh mẽ trong ngành hàng ngũ cốc. Việc tăng trưởng hai ngành hàng Nước giải khát và ngũ cốc với tỷ lệ lãi gộp tốt đã góp phần cải thiện tỷ lệ lãi gộp toàn công ty lên 36% so với 34% của năm 2015, điều này cũng góp phần làm tốt hơn tỷ lệ lợi nhuận sau thuế 2016 vượt 1.7% đạt mức 11.5%
3. Việc tối ưu hoá các hoạt động tài chính, cũng làm tăng thu nhập hoạt động tài chính lên hơn 2,5 lần so với năm 2015. Tất cả những điều trên đã góp phần giúp Lợi nhuận sau thuế toàn công ty tăng 29% lên mức 381 tỷ.







4. Năm 2016, chúng ta cũng đã mua và sở hữu 85% cổ phần của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN, đồng thời cũng tung ra thị trường một giải pháp mới về cà phê rang xay Phin điện Vinacafé Café de Nam. Đây là một bước đột phá về khoa học kỹ thuật và công nghệ, một tái phát kiến trong lĩnh vực cà phê rang xay tại Việt Nam, với một giấc mơ phục hưng và tôn vinh giá trị nguyên bản của cà phê Việt Nam và ở Vinacafé chúng ta gọi đó là Vietnamo. Hiện sau gần một năm, Vinacafé Café de Nam đang được cung cấp phục vụ cho người tiêu dùng yêu cà phê sạch nguyên chất tại hơn 600 quán tại TP Hồ Chí Minh. Có thể nói Vinacafé Café de Nam chính là một trong những sản phẩm tương lai của VCF.
5. Môi trường và con người là những quan tâm hàng đầu của công ty. Trong thời gian qua Công ty luôn chú trọng và đầu tư cho những hoạt động trong khía cạnh này nhằm tạo sự phát triển bền vững. Các hệ thống xử lý nước thải của Công ty đều vận hành tốt đạt đầu ra mức tiêu chuẩn A - tiêu chuẩn về nước thải cao nhất tại Việt Nam, có thể sử dụng cho hoạt động tưới tiêu, góp phần giảm lượng nước tiêu thụ. Hệ thống lò hơi, lò rang của công ty cũng sử dụng những nguyên liệu sạch không gây ô nhiễm môi trường như Biomass, khí CNG. Ngoài các hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, công ty còn ứng dụng các Hệ thống quản lý An toàn môi trường ISO 14001:2004; Hệ thống Quản lý năng lượng ISO 50001: 2011 (năm 2016 số tiền tiết kiệm về sử dụng hiệu quả năng lượng so với năm 2015 là hơn 600 triệu đồng); Hệ thống An toàn sức khoẻ nghề nghiệp OHSAS 18001:2007; Hệ thống trách nhiệm xã hội SA 8000:2008; Hệ thống An toàn thực phẩm ISO 22000:2005 và các chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000, chứng nhận đăng ký FDA Hoa kỳ.

## B. MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2017

Nhìn chung, trong năm 2017, Ban điều hành đánh giá tuy chúng ta đang có được đà tăng trưởng tốt trong năm 2016 tuy nhiên tình hình kinh tế chung vẫn còn nhiều khó khăn và hiện công ty đang phải đối mặt với một số thách thức:

1. Giá nguyên liệu đầu vào như cà phê nhân tăng mạnh so với 05 năm trở lại đây cộng với hạn hán mất mùa tại Đắk Lắk, Sơn La những vùng nguyên liệu chính về cà phê của VCF. Điều này đẩy giá nguyên liệu đầu vào tăng cao, khó mua nguyên liệu, làm ảnh hưởng đến tỷ lệ lãi gộp và tỷ suất lợi nhuận sau thuế.
2. Sản phẩm mới Vinacafé Café de Nam tuy bước đầu nhận được sự ủng hộ của người tiêu dùng nhờ chất lượng và công nghệ đột phá, tuy nhiên đây là một “start up”, một giải pháp mới trong lĩnh vực cà phê rang xay, dựa trên nền tảng cà phê nguyên chất vẫn đang trong quá trình đầu tư tạo thói quen tiêu dùng, tạo dựng niềm tin, xem xét triển khai rộng hơn trên phạm vi toàn quốc nên cũng cần thêm thời gian...
3. Tái cơ cấu tồn kho tại Hệ thống phân phối, chuyển đổi mô hình bán hàng từ Đẩy sang Kéo. Điều này có thể làm sụt giảm doanh thu trong sáu tháng đầu năm 2017

### MỤC TIÊU 2017

-  Doanh thu thuần: 3.300 tỷ đồng.
-  Lợi nhuận sau thuế: 380 tỷ đồng.
-  Giữ vững vị trí dẫn đầu ngành cà phê hòa tan với hai nhãn hiệu chủ lực Vinacafé và Wake-up.
-  Phát triển kinh doanh bền vững

Trên cơ sở phân tích thận trọng mang tính tổng quát và khách quan về tình hình kinh tế 2017 và hoạt động kinh doanh của công ty, Ban Điều Hành đề xuất mục tiêu cho năm 2017 như sau:

---

**DOANH THU THUẦN ĐẠT**

**3.300 TỶ ĐỒNG**

---

**LỢI NHUẬN SAU THUẾ ĐẠT**

**380 TỶ ĐỒNG**

---

### C. CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2017

1. Tiếp tục phát triển và giữ vững vị trí dẫn đầu trong ngành cà phê hoà tan với hai nhãn hiệu chủ lực là Vinacafé và Wake-Up.
2. Đẩy mạnh phát triển ngành nước giải khát dựa trên sản phẩm chủ lực là Wake-Up 247.
3. Tiếp tục đầu tư xây dựng giải pháp cà phê rang xay mới Vinacafé Café de Nam với công nghệ đột phá cho tương lai, tiến tới phát triển ra phạm vi toàn quốc.
4. Chuyển đổi mô hình kinh doanh từ Đầy sang Kéo, kiểm soát tồn kho tại Nhà phân phối ở mọi thời điểm.
5. Phát triển kinh doanh bền vững bằng những hoạt động theo hướng “Doing well by doing good” của Tập đoàn Masan, cụ thể Vinacafé đồng sáng lập “Chương trình hỗ trợ phát triển cà phê Buôn Ma Thuột” tại Daklak nhằm cải thiện đời sống cho người nông dân trồng cà phê; nâng cao giá trị cho cà phê Buôn Ma Thuột nói riêng và cà phê Việt Nam nói chung. Đồng thời qua đó cũng tạo được vùng nguyên liệu chất lượng cao đáp ứng nhu cầu nguyên liệu đầu vào cho công ty.



Tại Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột năm 2017, Ly cà phê không lồ - niềm tự hào của Vinacafé Biên Hòa được mang trên mình bộ cánh mới mang hơi thở hiện đại trở về với thánh địa cà phê Ban Mê và được Vinacafé Biên Hòa trao tặng cho Bảo tàng tỉnh Đắk Lắk.



Chủ tịch HĐQT Phạm Quang Vũ - đại diện Công ty CP Vinacafé Biên Hòa cùng đại diện Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền và lãnh đạo tỉnh Đắk Lắk cùng chung tay ký kết Chương trình hỗ trợ Phát triển Cà phê Buôn Ma Thuột.





## PHẦN 4: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## A. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

### 1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2016

Năm 2016, bối cảnh nền kinh tế thế giới đang hồi phục một cách khó khăn đã tác động không nhỏ đến nền kinh tế trong nước: giá nguyên liệu đầu vào và phê nguyên liệu tăng mạnh và không ổn định, hạn hán, thiên tai tại các vùng trọng điểm cung cấp nguyên liệu, sự cạnh tranh gay gắt của công ty đối thủ,... Mặc dù vậy, với sự nỗ lực, cố gắng không ngừng nghỉ, năm 2016 lại được đánh giá là năm kinh doanh thành công của Vinacafé Biên Hòa khi chúng tôi đều hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã đề ra, cụ thể:

- Doanh thu thuần:  
3.310 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2015 và vượt 16% so với kế hoạch. Đây cũng là mức doanh thu cao đạt mức kỷ lục từ trước đến nay.
- Lợi nhuận sau thuế:  
381 tỷ đồng, vượt 52% so với kế hoạch và 29% so với lợi nhuận sau thuế năm 2015.

Kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2016 sẽ là tiền đề cho sự thành công của Công ty trong năm 2017 và các năm tiếp theo.

### 2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Năm 2016, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên giám sát và đảm bảo hoạt động của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, điều lệ và các quy chế của Công ty, đồng thời chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.

### 3. Tổng kết các cuộc họp và quyết định của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị Vinacafé Biên Hòa đã họp tập trung 04 buổi, tiến hành lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản 03 lần và đã quyết định các vấn đề sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2016/NQ-HĐQT	04/3/2016	Phê duyệt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
2	02/2016/NQ-HĐQT	04/3/2016	Phê duyệt các vấn đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua.
3	03/2016/NQ-HĐQT	04/3/2016	Phê duyệt đơn xin nghỉ việc của Ông Lê Hùng Dũng - Phó Tổng Giám đốc Công ty.
4	04A/2016/NQ-HĐQT	05/4/2016	Phê duyệt một số vấn đề bổ sung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua.
5	04/2016/NQ-HĐQT	23/5/2016	Phê duyệt việc mua công ty con.
6	05/2016/NQ-HĐQT	23/6/2016	Phê duyệt khoản vay cho công ty con.
7	06/2016/NQ-HĐQT	22/7/2016	Phê duyệt các giao dịch với công ty con.
8	07/2016/NQ-HĐQT	22/7/2016	Phê duyệt việc cho công ty con thuê nhà xưởng và các vấn đề liên quan.
9	08/2016/NQ-HĐQT	22/7/2016	Phê duyệt chấm dứt hoạt động chi nhánh Hà Nội.
10	09/2016/NQ-HĐQT	23/11/2016	Phê duyệt chủ trương xây dựng thương hiệu công ty;



## B. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

### Mục tiêu năm 2017

*ĐVT: Tỷ đồng*

STT	Nội dung	Mục tiêu 2017
1	<b>Doanh thu</b>	<b>3.300</b>
2	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>380</b>

### Các định hướng chiến lược:

- Vinacafé Biên Hòa tiếp tục đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới, làm cho cà phê trở thành một thức uống được ưa chuộng và sử dụng hàng ngày trên khắp Việt Nam.
- Thâm nhập thành công các ngành thực phẩm có nhu cầu thị trường đủ lớn.
- Các sản phẩm cà phê, từ cà phê, các sản phẩm thực phẩm và đồ uống mới khác sẽ là những đột phá trong việc tạo ra các nhu cầu mới và sở hữu những thành quả từ việc tạo dựng thương hiệu mới và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.



## **PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY**

## A. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Danh sách và cơ cấu thành phần Hội đồng quản trị:

Ngày 21/4/2015, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã bầu, chọn ra 6 thành viên tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty cho nhiệm kỳ mới năm 2015-2020. Tính đến thời điểm 31/12/2016, danh sách thành viên Hội đồng Quản trị gồm:

					
Ông Phạm Quang Vũ	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Ông Phạm Hồng Sơn	Ông Phạm Đình Toại	Ông Lê Trung Thành	Ông Nguyễn Nam Hải
Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị	Chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị	Chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị	Chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị	Chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị

### 2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Vinacafé Biên Hòa, chức danh mà các Thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác.

S T T	Tên thành viên HĐQT	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Thành viên độc lập	Thành viên không điều hành	Chức danh mà TV HĐQT nắm giữ tại Công ty khác
1.	Phạm Quang Vũ	0,83%	x	x	
2.	Nguyễn Hoàng Yến	0%	x	x	- Thành viên HĐQT: Công ty Cổ phần Masan; Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan; Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo. - Phó TGD: Công ty TNHH MasanConsumerHoldings. - Thành viên HĐQT và Phó Tổng Giám đốc: Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan. - Chủ tịch HĐQT: Công ty Cổ phần Ma San PQ. - Chủ tịch HĐQT: Công ty TNHH Cát Trắng
3.	Phạm Hồng Sơn	0%	x	x	- Phó TGD: Công ty TNHH MasanConsumerHoldings; Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan. - Chủ tịch HĐQT: Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh

					<p>Hảo; Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha</p> <p>- Chủ tịch Công ty: Công ty TNHH MTV Công nghiệp Masan; Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiên; Công ty TNHH Một thành viên Masan HD; Công ty TNHH Một thành viên Masan ĐN; Công ty TNHH Một thành viên Masan MB; Công ty TNHH Một thành viên Masan HG; Công ty TNHH Masan Master Brewer; Công ty TNHH Một thành viên Masan Brewery PY; Công ty TNHH Một thành viên Masan Brewery HG.</p> <p>- Thành viên HĐQT: Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Sài Gòn.</p>
4. Phạm Đình Toại	68,46% *	-	x	<p>- Thành viên BKS: Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan.</p> <p>- Phó TGD: Công ty TNHH MasanConsumerHoldings; Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan.</p> <p>- Thành viên HĐQT: Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo; Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh</p> <p>- Chủ tịch Công ty và giám đốc: Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan;</p> <p>- Chủ tịch HĐQT: Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Sài Gòn.</p>	
5. Lê Trung Thành	0%	-	x	<p>- Phó TGD: Công ty TNHH MasanConsumerHoldings.</p> <p>- Chủ tịch Công ty và Giám đốc: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage.</p> <p>- Thành viên HĐQT: Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.</p>	
6. Nguyễn Nam Hải	0%	x	x	<p>- Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT: Tổng Công ty Cà phê Việt Nam - Công ty TNHH MTV.</p> <p>- Thành viên HĐQT: Công</p>	



ty cổ phần Giám định chất lượng Cà phê và hàng hoá XNK.

- Phó Chủ tịch Hiệp hội Cà phê Ca Cao Việt Nam.

- Phó Chủ tịch Hiệp hội Hồ Tiêu Việt Nam

---

(\*): Ông Phạm Đình Toại là người đại diện theo ủy quyền quản lý toàn bộ số cổ phần sở hữu của Công ty TNHH MTV Masan Beverage tại Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (tính đến thời điểm 20/3/2017).

**3. Hoạt động của các tiểu ban Hội đồng Quản trị:** không có.

**4. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:**

Là cơ quan quản trị Công ty, thực thi các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, giám sát, hoạch định các chiến lược sản xuất, kinh doanh phát triển Công ty, trong năm qua, Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng và luôn sát sao theo dõi tình hình hoạt động của Công ty và có các quyết định đúng đắn, kịp thời.

Thông qua các cuộc họp hàng quý và khi có yêu cầu đột xuất, Hội đồng quản trị luôn quan tâm, nghe báo cáo đánh giá hoạt động tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc và kịp thời chỉ đạo các giải pháp trong việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh đã được phê duyệt.

Hội đồng quản trị thông qua các Nghị quyết sau mỗi buổi họp định kỳ và theo yêu cầu đề thông qua các kế hoạch kinh doanh quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan để Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.

Hội đồng quản trị cũng luôn kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát để kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty. Đại diện Ban kiểm soát luôn được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nhằm qua đó Hội đồng quản trị và Ban điều hành có cơ hội trao đổi trực tiếp, cùng nhau bàn bạc, đóng góp ý kiến cũng như tiếp thu, ghi nhận ý kiến, đề xuất của Ban kiểm soát.

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty họp tập trung 04 buổi, tiến hành lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản 03 lần (xem chi tiết tại mục A-3, phần 4 Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị).

**5. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, không điều hành:**

Nhờ được cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời và tham gia đầy đủ các cuộc họp cũng như trao đổi thông tin thường xuyên, các thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia điều hành Công ty đã có những đóng góp khách quan trong việc ra các quyết định quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh ngắn hạn và các chiến lược phát triển trong dài hạn của công ty.

**6. Hoạt động giám sát thường xuyên của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc:**

Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị đã thường xuyên giám sát và đảm bảo hoạt động của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, điều lệ và các quy chế của Công ty, đồng thời chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.

## B. BAN KIỂM SOÁT

### 1. Danh sách và cơ cấu thành phần Ban Kiểm soát:

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra vào ngày 21/4/2015, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã bầu chọn được 03 thành viên tham gia vào Ban Kiểm soát Công ty cho nhiệm kỳ mới năm 2015-2020, bao gồm: ông Đỗ Xuân Hậu, ông Huỳnh Thiên Phú và ông Nguyễn Ngọc Tuấn. Đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra vào ngày 20/4/2016, ông Đỗ Xuân Hậu và ông Nguyễn Ngọc Tuấn có đơn xin từ nhiệm và Đại hội đã bầu bổ sung thay thế 02 thành viên mới là ông Nguyễn Thành Luân và ông Đặng Tuấn Việt.

Tính đến thời điểm 31/12/2016, danh sách thành viên Ban Kiểm soát gồm:



Ông Huỳnh Thiên Phú

Chức vụ:  
Trưởng ban kiểm soát



Ông Đặng Tuấn Việt

Chức vụ:  
Thành viên ban kiểm soát



Ông Nguyễn Thành Luân

Chức vụ:  
Thành viên ban kiểm soát

### 2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Vinacafé Biên Hòa:

STT	Tên thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu có quyền biểu quyết
1	Ông Huỳnh Thiên Phú	Trưởng BKS	-
2	Ông Đặng Tuấn Việt	Thành viên	-
3	Ông Nguyễn Thành Luân	Thành viên	-

### 3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2016:

#### a. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2016:

Trong năm 2016 Ban kiểm soát (BKS) đã thực hiện những nội dung công việc chính sau:

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành của HĐQT và Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Xem xét và đánh giá báo cáo tài chính định kỳ hàng quý và kết thúc năm 2016.
- Khảo sát và tiếp nhận ý kiến phản hồi của một số Nhà phân phối trong hợp tác kinh doanh với Vinacafé Biên Hòa tại các tỉnh khu vực Miền Tây, đồng thời BKS cũng thu thập thông tin và đánh giá năng lực tài chính của một số nhà phân phối. Qua đó, BKS đã kiến nghị với Ban điều hành đưa ra các giải pháp thiết thực, phù hợp trong hợp tác kinh doanh với các Nhà phân phối.

- Kiểm soát và đề xuất các biện pháp ngăn ngừa các hoạt động có thể dẫn đến rủi ro cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**b. Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị (HDQT):**

- Trong năm 2016, HDQT đã đưa ra những định hướng phát triển sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển trung, dài hạn phù hợp, triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông Thường niên 2016.
- HDQT đã quản lý, chỉ đạo các hoạt động của Công ty tuân thủ qui định Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông, Nghị quyết HDQT.
- HDQT đều đặn họp định kỳ mỗi quý một lần và đều có sự tham gia của đại diện Ban kiểm soát.

**c. Giám sát hoạt động của Ban Điều hành và thẩm định Báo cáo tài chính:**

- Năm 2016 là năm thị trường có nhiều biến động, nền kinh tế nói chung còn nhiều thử thách và khó khăn, Vinacafé Biên Hòa cũng không nằm ngoài sự tác động từ thị trường này. Tuy nhiên với nỗ lực và cố gắng đạt được mục tiêu đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông, Ban Giám đốc Công ty đã duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi nhuận và đạt được kết quả vượt chỉ tiêu đó là điều đáng được trân trọng.
- Một số chỉ tiêu chính yếu đạt được trong năm 2016 được thể hiện như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng	%
	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	
Doanh thu thuần	3.000	3.310	310	10%
Giá vốn hàng	1.984	2.112	128	6%
Lợi nhuận gộp	1.015	1.198	183	18%
Chi phí bán hàng	651	708	57	9%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	77	93	16	21%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	295	381	86	29%

	Năm 2016	Năm 2015	Tăng	%
	(VNĐ/cổ phiếu)	(VNĐ/cổ phiếu)	(VNĐ/cổ phiếu)	
EPS	14.450	11.112	3.338	30%

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Kế hoạch 2016	So với kế hoạch	%
	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	
Doanh thu thuần	3.000	3.310	2.850	460	16%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	295	381	250	131	52%

- Doanh thu thuần tăng đạt 3.310 tỷ đồng và vượt kế hoạch 16%. Kết quả lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 381 tỷ đồng và vượt kế hoạch 52%.
- Ban Giám đốc thường xuyên tổ chức họp thảo luận tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và quyết định về những vấn đề chính yếu của Công ty nhằm triển khai thực hiện kịp thời các quyết định, nghị quyết của HĐQT theo sát Nghị quyết của Đại hội Đồng Cổ đông.
- Công tác kế toán được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh trung thực hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.
- Việc luân chuyển, lưu trữ, sử dụng và bảo quản chứng từ hợp pháp, hợp lệ.
- Trong năm 2016, BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị của cổ đông liên quan đến HĐQT, BKS và Ban Điều hành.

(\* ) *Kế hoạch: là số theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông Thường niên 2016*

**d. Mối quan hệ của Ban điều hành và Người lao động:**

- Ban điều hành và người lao động luôn đặt trọng tâm vào kết quả sản xuất kinh doanh, cùng bàn bạc, thảo luận và đưa ra các giải pháp khắc phục khó khăn.
- Quyền lợi của người lao động được chăm lo đầy đủ, đúng chế độ qui định như: Chế độ phúc lợi xã hội, chế độ thi đua khen thưởng v.v...

**e. Kết luận:**

- Dựa trên kết quả kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát thống nhất ý kiến với các nội dung trong báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban điều hành.
- Ban kiểm soát đánh giá cao những cố gắng, nỗ lực của Ban điều hành, cán bộ quản lý và toàn thể Người lao động đã hợp tác mang lại doanh thu và lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường.
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát làm việc theo đúng chức năng mà luật pháp và điều lệ của Công ty đã quy định.

**f. Kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát năm 2017**

- Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2017 và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017.
- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017, xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban điều hành.





*Trưởng BKS Huỳnh Thiên Phú báo cáo công tác hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016.*

## C. GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

### 1. Lương, thưởng, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong năm 2016:

#### ❖ Chi phí hoạt động năm 2016 của Hội đồng Quản trị và từng thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chi phí hoạt động năm 2016 (VND) (*)
1.	Phạm Quang Vũ	Chủ tịch	1.454.256.000
2.	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	80.000.000
3.	Phạm Hồng Sơn	Thành viên	80.000.000
4.	Phạm Đình Toại	Thành viên	80.000.000
5.	Lê Trung Thành	Thành viên	80.000.000
6.	Nguyễn Nam Hải	Thành viên	240.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.014.256.000</b>

#### ❖ Chi phí hoạt động năm 2016 của Ban Kiểm soát và từng thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chi phí hoạt động năm 2016 (VND) (*)
1	Ông Đỗ Xuân Hậu	Trưởng BKS (đến 20/4/2016)	18.166.667
2	Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên (đến 20/4/2016)	10.900.000
3	Ông Huỳnh Thiên Phú	Trưởng BKS (từ 20/4/2016)	12.733.333
4	Ông Đặng Tuấn Việt	Thành viên (từ 20/4/2016)	1.100.000
5	Ông Nguyễn Thành Luân	Thành viên (từ 20/4/2016)	1.100.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>44.000.000</b>

(\*): Từ tháng 05/2016, bà Nguyễn Hoàng Yến, ông Lê Trung Thành, ông Phạm Hồng Sơn, ông Phạm Đình Toại, ông Huỳnh Thiên Phú, ông Đặng Tuấn Việt và ông Nguyễn Thành Luân có văn bản từ chối nhận thù lao Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát tại Công ty.

## 2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Hùng Dũng	Người nội bộ	80.000	0,3%	0	0%	Bán
2	Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage	Tổ chức mà Ông Lê Trung Thành là Chủ tịch công ty và Giám đốc	14.140.911	53,2%	18.195.774	68,46%	Mua

## 3. Các giao dịch khác (các giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với Công ty):

- Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây: Trong 3 năm gần đây, Công ty đã phát sinh các giao dịch mua bán hàng hoá, nguyên vật liệu nội bộ, tài sản cố định, chia sẻ chi phí, cho vay, nhận bảo lãnh, xúc tiến thương mại, chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu với các công ty mà thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc đã và đang là thành viên HĐQT, Giám đốc.
- Giao dịch giữa Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: Trong năm 2016, Công ty đã phát sinh các giao dịch mua bán hàng hoá, nguyên vật liệu nội bộ, chia sẻ chi phí với Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan – người có liên quan của Bà Nguyễn Hoàng Yến - thành viên HĐQT.
- Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành: không có.



**PHẦN 6:**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2016 ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH KPMG Việt Nam.**





**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa  
và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Kinh doanh số**

3600261626

ngày 29 tháng 12 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần mới nhất là vào ngày 5 tháng 5 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Phạm Quang Vũ	Chủ tịch
Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Phạm Đình Toại	Thành viên
Phạm Hồng Sơn	Thành viên
Lê Trung Thành	Thành viên
Nguyễn Nam Hải	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Nguyễn Tân Kỳ	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Lê Hùng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	(đến ngày 19 tháng 4 năm 2016)
Đoàn Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Khu Công nghiệp Biên Hòa 1  
Phường An Bình  
Thành phố Biên Hòa  
Tỉnh Đồng Nai  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm này.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Tân Kỳ  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, 15 MAR 2017



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành **15 MAR 2017**, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





### Ý kiến của kiểm toán viên

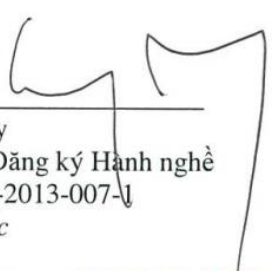
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-795



  
Chong Kwang Duay  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, 15 MAR 2017

Chang Hung Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2013-007-1

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>2.323.304.183.347</b>	<b>1.774.965.379.886</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>7</b>	<b>1.614.295.701.893</b>	<b>1.425.460.022.439</b>
Tiền	111		5.195.701.893	27.960.022.439
Các khoản tương đương tiền	112		1.609.100.000.000	1.397.500.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>445.000.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8	445.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>57.038.432.612</b>	<b>57.467.600.540</b>
Phải thu của khách hàng	131		47.312.797.128	45.236.608.603
Trả trước cho người bán	132		4.061.378.970	5.395.710.480
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	6.464.871.199	7.683.928.786
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(800.614.685)	(848.647.329)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>192.958.056.825</b>	<b>291.532.492.409</b>
Hàng tồn kho	141		195.847.960.093	298.150.034.045
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.889.903.268)	(6.617.541.636)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.011.992.017</b>	<b>505.264.498</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.886.117.913	505.264.498
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.125.874.104	-

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>816.955.643.678</b>	<b>754.495.074.917</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>787.337.200</b>	<b>510.856.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	787.337.200	510.856.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>666.253.545.393</b>	<b>558.555.537.339</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	665.449.424.820	558.471.864.530
<i>Nguyên giá</i>	222		996.849.362.350	827.362.931.047
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(331.399.937.530)	(268.891.066.517)
Tài sản cố định vô hình	227	12	804.120.573	83.672.809
<i>Nguyên giá</i>	228		1.880.358.879	1.004.073.640
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.076.238.306)	(920.400.831)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>69.877.443.965</b>	<b>149.981.030.413</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	69.877.443.965	149.981.030.413
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>80.037.317.120</b>	<b>45.447.651.165</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	25.470.707.385	23.077.008.589
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	28.975.775.617	22.370.642.576
Lợi thế thương mại	269	16	25.590.834.118	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>3.140.259.827.025</b>	<b>2.529.460.454.803</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>990.163.024.175</b>	<b>760.764.332.168</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>988.304.815.498</b>	<b>695.198.683.483</b>
Phải trả người bán	311	17	342.122.116.780	240.137.845.202
Người mua trả tiền trước	312		6.600.908.908	13.235.282.507
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	69.121.472.935	42.659.380.022
Chi phí phải trả	315	19	206.835.685.717	182.306.786.197
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	2.212.809.257	1.731.364.837
Vay ngắn hạn	320	21(a)	340.379.924.443	194.096.127.260
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	21.031.897.458	21.031.897.458
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.858.208.677</b>	<b>65.565.648.685</b>
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	1.858.208.677	2.565.648.685
Vay dài hạn	338	21(b)	-	63.000.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.150.096.802.850</b>	<b>1.768.696.122.635</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>2.150.096.802.850</b>	<b>1.768.696.122.635</b>
Vốn cổ phần	411	24	265.791.350.000	265.791.350.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	24	29.974.241.968	29.974.241.968
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	213.510.848.947	213.510.848.947
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.642.561.068.149	1.259.419.681.720
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(1.740.706.214)	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>3.140.259.827.025</b>	<b>2.529.460.454.803</b>

15 MAR 2017

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tân Kỳ  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>27</b>	<b>3.393.920.989.835</b>	<b>3.094.839.016.639</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>27</b>	<b>84.197.502.619</b>	<b>95.169.101.887</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>27</b>	<b>3.309.723.487.216</b>	<b>2.999.669.914.752</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>28</b>	<b>2.111.934.817.590</b>	<b>1.984.250.548.466</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.197.788.669.626</b>	<b>1.015.419.366.286</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	72.758.113.470	48.190.475.485
Chi phí tài chính	22	30	13.505.257.817	24.918.789.137
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.003.334.038</i>	<i>11.788.099.567</i>
Chi phí bán hàng	25	31	708.459.088.087	650.951.385.998
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	92.965.635.938	77.199.456.576
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>455.616.801.254</b>	<b>310.540.210.060</b>
Thu nhập khác	31		419.297.082	782.391.402
Chi phí khác	32		713.591.298	594.924.862
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(294.294.216)</b>	<b>187.466.540</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>455.322.507.038</b>	<b>310.727.676.600</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>34</b>	<b>80.950.428.823</b>	<b>26.031.146.608</b>
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>34</b>	<b>(6.576.667.005)</b>	<b>(10.654.221.739)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang tiếp theo)</b>	<b>60</b>		<b>380.948.745.220</b>	<b>295.350.751.731</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang từ trang trước sang)</b>	<b>60</b>		<b>380.948.745.220</b>	<b>295.350.751.731</b>
<b>Phân bổ:</b>				
Chủ sở hữu của Công ty	61		384.070.138.429	295.350.751.731
Cổ đông không kiểm soát	62		(3.121.393.209)	-
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	14.450	11.112

**15 MAR 2017**

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tân Kỳ  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>455.322.507.038</b>	<b>310.727.676.600</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	65.363.086.072	60.800.048.266
Các khoản dự phòng	03	14.244.603.892	12.109.000.983
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(229.101.756)	(769.013.774)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(68.527.846.292)	(46.022.593.571)
Chi phí lãi vay	06	13.003.334.038	11.788.099.567
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>479.176.582.992</b>	<b>348.633.218.071</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(1.048.208.319)	(6.411.892.119)
Biến động hàng tồn kho	10	88.719.364.957	31.374.697.136
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	125.969.621.329	78.632.768.393
Biến động chi phí trả trước	12	5.252.657.888	3.727.541.438
		<b>698.070.018.847</b>	<b>455.956.332.919</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(13.480.016.620)	(12.948.472.020)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(60.113.655.544)	(10.324.651.318)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(928.752.000)	(6.304.490.581)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>623.547.594.683</b>	<b>426.378.719.000</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(77.079.058.341)	(144.312.771.283)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	375.833.250	89.292.182
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(8.892.400.000.000)	(6.161.500.000.000)
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	8.447.400.000.000	6.161.500.000.000
Mua lại một công ty con đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua (Thuyết minh 6)	25	(11.555.624.763)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	65.263.137.442	47.967.431.951
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(467.995.712.412)</b>	<b>(96.256.047.150)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2016 VND	2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ các khoản vay	33	1.283.284.091.120	1.652.171.345.571
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.250.000.293.937)	(1.928.081.697.174)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>33.283.797.183</b>	<b>(275.910.351.603)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>188.835.679.454</b>	<b>54.212.320.247</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.425.460.022.439</b>	<b>1.370.410.246.815</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>837.455.377</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 7)</b>	<b>70</b>	<b>1.614.295.701.893</b>	<b>1.425.460.022.439</b>

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh  
Kế toán tổng hợp

15 MAR 2017



Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Tân Kỳ  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và bán các loại cà phê, ngũ cốc ăn liền và thức uống không cồn cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có một công ty con (1/1/2016: Tập đoàn không có công ty con). Chi tiết thông tin của công ty con được trình bày như sau :

Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế và quyền biểu quyết	
			31/12/2016	1/1/2016
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN	Sản xuất đồ uống và thương mại	10 Hưng Gia 2, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	85%	-

Trong tháng 5 năm 2016, Công ty đã mua 85% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN (“CDN”) với số tiền là 35.000 triệu VND không bao gồm phí giao dịch. CDN được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn có 423 nhân viên (1/1/2016: 406 nhân viên).

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(e) Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 được mang sang từ số liệu đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu từ hoặc chi ra từ giao dịch này tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**(iv) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát cần xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty và công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	4 – 6 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(ii) Thương hiệu**

Giá gốc thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

**(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(k) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua một công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua một công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**(l) Phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(n) Các công cụ tài chính phái sinh**

Tập đoàn nắm giữ các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro về biến động giá của nguyên vật liệu. Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc vào ngày mà hợp đồng phái sinh được ký kết. Các khoản lãi hoặc lỗ đã thực hiện từ các công cụ phái sinh được ghi nhận là thu nhập tài chính hoặc chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(o) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần. Phân chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(q) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu bán hàng không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu cung cấp dịch vụ không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

**(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái và lãi đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh.

Doanh thu lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(ii) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi từ các khoản vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và lỗ đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh.

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan này.

**(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(t) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Lãi và lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(u) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của các bộ phận bao gồm các khoản mục liên quan trực tiếp đến một bộ phận cùng các khoản có thể được phân bổ trên cơ sở hợp lý. Các khoản mục chưa được phân bổ chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và thu nhập liên quan, các khoản đầu tư và thu nhập liên quan, các khoản vay và cho vay và các chi phí liên quan, tài sản của trụ sở chính của Công ty, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản thuế thu nhập và các khoản nợ và chi phí, và các khoản mục có liên quan đến nhiều hơn một bộ phận và không thể phân bổ hợp lý cho một bộ phận.

**(v) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Khi xem xét mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

## **4. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn**

Trong tháng 5 năm 2016, Công ty đã mua 85% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN (“CDN”) dẫn đến CDN trở thành công ty con của Công ty. Theo đó, Công ty cần phải lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng năm 2015 trong báo cáo tài chính hợp nhất là các số liệu của Công ty trên cơ sở riêng và do đó không thể so sánh với các số liệu của kỳ hiện tại.

## **5. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn hoạt động theo các bộ phận kinh doanh chính như sau:

- Cà phê;
- Ngũ cốc;
- Thức uống không cồn; và
- Các khoản khác.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>Cà phê VND</b>	<b>Ngũ cốc VND</b>	<b>Thực uống không cồn VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Doanh thu trong nước	1.889.670.659.608	407.180.865.994	787.524.858.558	6.816.778.518	3.091.193.162.678
Doanh thu xuất khẩu	213.834.700.924	4.695.623.614	-	-	218.530.324.538
<b>Tổng doanh thu của bộ phận – thuần</b>	<b>2.103.505.360.532</b>	<b>411.876.489.608</b>	<b>787.524.858.558</b>	<b>6.816.778.518</b>	<b>3.309.723.487.216</b>
Giá vốn hàng bán của bộ phận	(1.434.658.869.370)	(218.512.285.093)	(456.555.295.524)	(2.208.367.603)	(2.111.934.817.590)
<b>Lợi nhuận gộp của bộ phận</b>	<b>668.846.491.162</b>	<b>193.364.204.515</b>	<b>330.969.563.034</b>	<b>4.608.410.915</b>	<b>1.197.788.669.626</b>
Chi phí bán hàng không thể phân bổ					(708.459.088.087)
Chi phí quản lý doanh nghiệp không thể phân bổ					(92.965.635.938)
Doanh thu hoạt động tài chính					72.758.113.470
Chi phí tài chính					(13.505.257.817)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>455.616.801.254</b>
Thu nhập khác					419.297.082
Chi phí khác					(713.591.298)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>					<b>(74.373.761.818)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>					<b>380.948.745.220</b>

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	<b>Cà phê VND</b>	<b>Ngũ cốc VND</b>	<b>Thực uống không cồn VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Hợp nhất VND</b>
Doanh thu trong nước	1.930.648.053.541	289.819.647.170	562.102.201.036	14.310.402.742	2.796.880.304.489
Doanh thu xuất khẩu	197.450.340.817	5.112.618.622	226.650.824	-	202.789.610.263
<b>Tổng doanh thu của bộ phận – thuần</b>	<b>2.128.098.394.358</b>	<b>294.932.265.792</b>	<b>562.328.851.860</b>	<b>14.310.402.742</b>	<b>2.999.669.914.752</b>
Giá vốn hàng bán của bộ phận	(1.464.704.500.700)	(174.208.191.708)	(334.667.858.332)	(10.669.997.726)	(1.984.250.548.466)
<b>Lợi nhuận gộp của bộ phận</b>	<b>663.393.893.658</b>	<b>120.724.074.084</b>	<b>227.660.993.528</b>	<b>3.640.405.016</b>	<b>1.015.419.366.286</b>
Chi phí bán hàng không thể phân bổ					(650.951.385.998)
Chi phí quản lý doanh nghiệp không thể phân bổ					(77.199.456.576)
Doanh thu hoạt động tài chính					48.190.475.485
Chi phí tài chính					(24.918.789.137)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>310.540.210.060</b>
Thu nhập khác					782.391.402
Chi phí khác					(594.924.862)
Chi phí thuế TNDN					(15.376.924.869)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>					<b>295.350.751.731</b>

Tài sản và nợ phải trả không thể phân bổ cho các bộ phận trên theo một cơ sở hợp lý.

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tập đoàn hoạt động trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## 6. Hợp nhất kinh doanh

### Mua lại Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại CDN

Trong tháng 5 năm 2016, Công ty đã mua 85% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN (“CDN”) với số tiền là 35.000 triệu VND không bao gồm phí giao dịch. Việc mua lại này dẫn đến Tập đoàn nắm giữ 85% lợi ích kinh tế trong CDN tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Việc mua lại này có ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.444.375.237	-	23.444.375.237
Phải thu của khách hàng	361.699.396	-	361.699.396
Trả trước cho người bán	20.893.841.858	-	20.893.841.858
Phải thu ngắn hạn khác	394.448.888	-	394.448.888
Hàng tồn kho	4.437.565.909	-	4.437.565.909
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.573.379.697	-	1.573.379.697
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.614.397.960	-	1.614.397.960
Tài sản cố định hữu hình	8.023.114.445	-	8.023.114.445
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	512.819.546	-	512.819.546
Chi phí trả trước dài hạn	1.203.165.220	-	1.203.165.220
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.466.036	-	28.466.036
Phải trả người bán	(575.538.404)	-	(575.538.404)
Thuế phải nộp Nhà nước	(111.135.384)	-	(111.135.384)
Phải trả người lao động	(412.231.529)	-	(412.231.529)
Chi phí phải trả	(1.567.029.008)	-	(1.567.029.008)
Phải trả ngắn hạn khác	(616.759.903)	-	(616.759.903)
Vay ngắn hạn	(50.000.000.000)	-	(50.000.000.000)
<b>Tổng tài sản thuần có thể xác định được mua</b>	<b>9.204.579.964</b>	<b>-</b>	<b>9.204.579.964</b>
Phần tài sản thuần được mua			7.823.892.969
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại (Thuyết minh 16)			27.176.107.031
Khoản thanh toán cho việc mua lại			35.000.000.000
Khoản tiền thu được			(23.444.375.237)
<b>Tiền thuần chỉ ra</b>			<b>11.555.624.763</b>



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Lợi thế thương mại được ghi nhận từ việc mua lại liên quan chủ yếu đến khả năng hiệp lực mà Ban Giám đốc kỳ vọng đạt được từ việc hợp nhất công ty được mua vào hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Trong giai đoạn từ ngày mua đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, doanh thu thuần và lỗ thuần của hoạt động kinh doanh của bên được mua lần lượt là 16.854 triệu VND và 20.809 triệu VND.

**7. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	66.338.875	119.095.032
Tiền gửi ngân hàng	5.129.363.018	27.840.927.407
Các khoản tương đương tiền	1.609.100.000.000	1.397.500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	<u>1.614.295.701.893</u>	<u>1.425.460.022.439</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

**8. Các khoản đầu tư tài chính**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	445.000.000.000	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	5.589.688.889	2.649.708.333
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	770.340.000	4.883.670.000
Phải thu khác	104.842.310	150.550.453
	<hr/>	<hr/>
	6.464.871.199	7.683.928.786

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản ký quỹ dài hạn	787.337.200	510.856.000
	<hr/>	<hr/>

**10. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	8.995.171.080	-	5.688.278.770	-
Nguyên vật liệu	77.283.049.615	(1.906.172.751)	194.520.384.317	(2.512.485.702)
Công cụ và dụng cụ	9.303.833.294	-	8.690.159.102	-
Thành phẩm	99.386.124.065	(983.730.517)	88.015.534.682	(3.672.205.638)
Hàng hóa	879.782.039	-	1.235.677.174	(432.850.296)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	195.847.960.093	(2.889.903.268)	298.150.034.045	(6.617.541.636)

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	6.617.541.636	13.936.504.431
Tăng dự phòng trong năm	14.760.022.812	12.243.000.983
Sử dụng dự phòng trong năm	(18.020.274.904)	(19.561.963.778)
Hoàn nhập dự phòng	(467.386.276)	-
Số dư cuối năm	2.889.903.268	6.617.541.636

Bao gồm trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 2.890 triệu VND (1/1/2016: 6.618 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Nguyên giá</b>	<b>Nhà xưởng và kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	202.116.312.659	617.428.542.045	2.982.158.246	4.835.918.097	827.362.931.047
Tăng từ mua một công ty con (Thuyết minh 6)	-	7.431.656.488	66.966.491	524.491.466	8.023.114.445
Tăng trong năm	-	91.882.155	-	-	91.882.155
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.545.060.000	160.955.195.442	-	-	162.500.255.442
Thanh lý	(39.908.023)	(668.354.940)	(33.203.612)	(387.354.164)	(1.128.820.739)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>203.621.464.636</b>	<b>785.238.921.190</b>	<b>3.015.921.125</b>	<b>4.973.055.399</b>	<b>996.849.362.350</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	28.423.025.630	235.132.876.432	2.058.795.661	3.276.368.794	268.891.066.517
Khấu hao trong năm	11.068.217.110	51.576.697.351	507.631.203	469.430.020	63.621.975.684
Thanh lý	(39.908.023)	(652.638.872)	(33.203.612)	(387.354.164)	(1.113.104.671)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>39.451.334.717</b>	<b>286.056.934.911</b>	<b>2.533.223.252</b>	<b>3.358.444.650</b>	<b>331.399.937.530</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	173.693.287.029	382.295.665.613	923.362.585	1.559.549.303	558.471.864.530
Số dư cuối năm	164.170.129.919	499.181.986.279	482.697.873	1.614.610.749	665.449.424.820



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 141.939 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 140.226 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, không có tài sản cố định hữu hình (1/1/2016: tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 437.781 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Thương hiệu VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	1.004.073.640	-	1.004.073.640
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	876.285.239	876.285.239
Số dư cuối năm	1.004.073.640	876.285.239	1.880.358.879
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	920.400.831	-	920.400.831
Khấu hao trong năm	83.672.809	72.164.666	155.837.475
Số dư cuối năm	1.004.073.640	72.164.666	1.076.238.306
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	83.672.809	-	83.672.809
Số dư cuối năm	-	804.120.573	804.120.573

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2016</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	149.981.030.413
Tăng từ mua một công ty con (Thuyết minh 6)	512.819.546
Tăng trong năm	93.010.799.869
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(162.500.255.442)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(876.285.239)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(10.250.665.182)
	69.877.443.965

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 2.686 triệu VND (2015: 3.843 triệu VND).

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Máy móc và thiết bị	69.877.443.965	145.683.957.197
Khác	-	4.297.073.216
	69.877.443.965	149.981.030.413

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất</b> <b>trả trước</b> <b>VND</b>	<b>Công cụ</b> <b>và dụng cụ</b> <b>VND</b>	<b>Tổng</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	15.708.733.589	7.368.275.000	23.077.008.589
Tăng từ mua một công ty con (Thuyết minh 6)	-	1.203.165.220	1.203.165.220
Tăng trong năm	-	355.992.514	355.992.514
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	10.250.665.182	10.250.665.182
Phân bổ trong năm	(402.788.040)	(9.013.336.080)	(9.416.124.120)
	15.305.945.549	10.164.761.836	25.470.707.385

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, không có chi phí đất trả trước (1/1/2016: chi phí đất trả trước với giá trị ghi sổ là 15.709 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi phải trả	23.885.586.840	14.669.064.766
Chi phí kho vận phải trả	1.834.998.172	2.254.321.428
Chiết khấu thương mại phải trả	1.182.383.193	2.212.190.398
Lợi nhuận chưa thực hiện	227.462.349	-
Chi phí phải trả khác	1.845.345.063	3.235.065.984
	<hr/>	<hr/>
	<b>28.975.775.617</b>	<b>22.370.642.576</b>
	<hr/>	<hr/>

**16. Lợi thế thương mại**

	<b>2016</b>
	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Tăng trong năm (Thuyết minh 6) và số dư cuối năm	27.176.107.031
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Khấu hao trong năm và số dư cuối năm	1.585.272.913
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư cuối năm	25.590.834.118
	<hr/>

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	342.122.116.780	342.122.116.780	240.137.845.202	240.137.845.202

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Công ty mẹ của công ty mẹ</b>				
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	111.640.198.333	111.640.198.333	62.664.306.725	62.664.306.725
<b>Các bên liên quan</b>				
▪ Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	38.631.849.379	38.631.849.379	29.388.769.818	29.388.769.818
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	2.002.149.996	2.002.149.996	3.593.594.393	3.593.594.393

Các khoản phải trả thương mại đối với công ty mẹ của công ty mẹ và các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày hóa đơn.



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Mua một công ty con VND	Phát sinh VND	Nộp/hoàn lại VND	Cán trừ VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	28.926.626.896	-	325.935.057.172	(104.131.504.770)	(216.305.252.968)	34.424.926.330
Thuế nhập khẩu	-	-	4.455.554.702	(4.455.554.702)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.600.948.477	-	80.950.428.823	(60.113.655.544)	-	34.437.721.756
Thuế thu nhập cá nhân	131.804.649	111.135.384	2.214.876.736	(2.057.135.799)	(141.856.121)	258.824.849
Các loại thuế khác	-	-	449.249.272	(449.249.272)	-	-
	42.659.380.022	111.135.384	414.005.166.705	(171.207.100.087)	(216.447.109.089)	69.121.472.935

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	158.942.644.197	109.063.678.558
Chi phí kho vận	12.011.662.043	16.760.754.109
Chiết khấu thương mại	7.739.728.317	16.447.512.255
Chi phí nghiên cứu và phát triển	6.935.604.249	11.773.940.800
Thưởng và lương tháng 13	9.019.082.037	11.410.136.746
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	5.800.034.813	5.608.627.649
Chi phí trưng bày	1.210.431.934	3.428.283.541
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	157.000.000	3.062.438.640
Chi phí lãi vay phải trả	411.433.955	449.982.147
Chi phí khác	4.608.064.172	4.301.431.752
	<hr/>	<hr/>
	206.835.685.717	182.306.786.197
	<hr/>	<hr/>

**20. Phải trả khác – ngắn hạn và dài hạn**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ ngắn hạn	1.115.638.268	1.120.659.610
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	253.685.303	294.419.844
Các khoản phải trả khác	843.485.686	316.285.383
	<hr/>	<hr/>
	2.212.809.257	1.731.364.837
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ dài hạn	1.858.208.677	2.565.648.685
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2016		Biến động trong năm		31/12/2016		
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Mua một công ty con VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	176.096.127.260	176.096.127.260	50.000.000.000	1.283.284.091.120	(1.169.000.293.937)	340.379.924.443	340.379.924.443
Vay dài hạn đến hạn trả	18.000.000.000	18.000.000.000	-	-	(18.000.000.000)	-	-
	194.096.127.260	194.096.127.260	50.000.000.000	1.283.284.091.120	(1.187.000.293.937)	340.379.924.443	340.379.924.443

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	3.8% – 4.8%	340.379.924.443	176.096.127.260

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	-	81.000.000.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	-	(18.000.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	-	63.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
			<b>đáo hạn</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	6,9%	2020	-	81.000.000.000
				<hr/>	<hr/>

Trong năm, khoản vay ngân hàng có đảm bảo đã được hoàn trả trước khi đáo hạn.

**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	21.031.897.458	24.180.132.039
Sử dụng trong năm	-	(3.148.234.581)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	21.031.897.458	21.031.897.458
	<hr/>	<hr/>

Không có khoản trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi nào từ lợi nhuận sau thuế tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty vào các ngày 20 tháng 4 năm 2016 và 21 tháng 4 năm 2015.



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	265.791.350.000	29.974.241.968	213.510.848.947	967.225.185.989	-	1.476.501.626.904
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	295.350.751.731	-	295.350.751.731
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(3.156.256.000)	-	(3.156.256.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	265.791.350.000	29.974.241.968	213.510.848.947	1.259.419.681.720	-	1.768.696.122.635
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	384.070.138.429	(3.121.393.209)	380.948.745.220
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(928.752.000)	-	(928.752.000)
Mua một công ty con có lợi ích cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 6)	-	-	-	-	1.380.686.995	1.380.686.995
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	265.791.350.000	29.974.241.968	213.510.848.947	1.642.561.068.149	(1.740.706.214)	2.150.096.802.850

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	26.579.135	265.791.350.000	26.579.135	265.791.350.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	26.579.135	265.791.350.000	26.579.135	265.791.350.000
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	29.974.241.968	-	29.974.241.968

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

**25. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên của các Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng 1 năm	16.795.146.400	15.553.826.400
Trong vòng 2 đến 5 năm	8.933.421.400	18.448.367.800
	25.728.567.800	34.002.194.200

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Ngoại tệ**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	161.941	3.679.293.840	879.316	19.696.688.256

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong các bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	16.580.764.897	27.351.495.805
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	3.274.340.479	-
	<u>19.855.105.376</u>	<u>27.351.495.805</u>

**27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2016 VND	2015 VND
Doanh thu thuần bao gồm:		
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng	3.387.061.872.527	3.078.354.570.555
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	6.859.117.308	16.484.446.084
	<u>3.393.920.989.835</u>	<u>3.094.839.016.639</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	59.100.480.565	56.905.131.786
▪ Hàng bán bị trả lại	25.097.022.054	38.263.970.101
	<u>84.197.502.619</u>	<u>95.169.101.887</u>
Doanh thu thuần	<u>3.309.723.487.216</u>	<u>2.999.669.914.752</u>

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28. Giá vốn hàng bán**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Hàng đã bán	2.095.433.813.451	1.961.337.549.757
▪ Giá vốn khác	2.208.367.603	10.669.997.726
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	14.292.636.536	12.243.000.983
	2.111.934.817.590	1.984.250.548.466

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	68.167.729.110	46.008.523.617
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.080.384.694	2.181.951.868
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.509.999.666	-
	72.758.113.470	48.190.475.485

**30. Chi phí tài chính**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	13.003.334.038	11.788.099.567
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	501.923.779	1.148.201.919
Chi phí tài chính khác	-	11.982.487.651
	13.505.257.817	24.918.789.137



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Chi phí bán hàng**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	491.810.020.009	436.867.693.804
Phí hỗ trợ quản lý	104.614.360.064	97.150.344.898
Chi phí kho vận	84.798.583.728	77.000.068.569
Chi phí trưng bày	12.707.811.019	17.821.395.953
Chi phí nghiên cứu thị trường	7.332.415.699	15.284.121.272
Chi phí nhân viên	2.330.986.863	1.861.369.643
Chi phí bán hàng khác	4.864.910.705	4.966.391.859
	<b>708.459.088.087</b>	<b>650.951.385.998</b>

**32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Phí hỗ trợ quản lý	46.238.819.119	42.254.326.487
Chi phí nhân viên	18.665.651.202	19.003.144.775
Chi phí nghiên cứu và phát triển	12.261.913.484	2.385.388.338
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.006.290.057	1.176.099.305
Phân bổ lợi thế thương mại	1.585.272.913	-
Thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	903.234.693	1.431.993.340
Chi phí khác	12.304.454.470	10.948.504.331
	<b>92.965.635.938</b>	<b>77.199.456.576</b>

**33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.808.171.985.110	1.697.692.334.907
Chi phí nhân viên	87.947.332.873	92.313.702.260
Chi phí khấu hao	65.363.086.072	60.800.048.266
Chi phí dịch vụ mua ngoài	803.344.838.895	773.211.772.518
Chi phí khác	148.532.298.665	88.383.533.089

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	80.470.348.143	26.031.146.608
Dự phòng thiếu trong các năm trước	480.080.680	-
	<hr/> 80.950.428.823	<hr/> 26.031.146.608
<b>Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(3.538.243.296)	2.537.746.591
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(3.038.423.709)	(13.191.968.330)
	<hr/> (6.576.667.005)	<hr/> (10.654.221.739)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<hr/> 74.373.761.818	<hr/> 15.376.924.869

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	455.322.507.038	310.727.676.600
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	68.298.376.056	46.609.151.490
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(3.038.423.709)	(13.191.968.330)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con và các khoản thu nhập khác	2.227.017.615	1.588.062.082
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.045.780.727	39.434.287
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với dự án đầu tư mở rộng	1.176.537.561	(19.667.754.660)
Dự phòng thiếu trong các năm trước	480.080.680	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận (*)	4.184.392.888	-
	<hr/> 74.373.761.818	<hr/> 15.376.924.869

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản chênh lệch tạm thời và lỗ tính thuế của công ty con bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó. Lỗ tính thuế của công ty con phụ thuộc vào việc xem xét của cơ quan thuế và chưa được quyết toán.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật khuyến khích đầu tư trong nước, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất ưu đãi là 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tiên (2005 đến 2016) vì Công ty là công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty Nhà nước trước năm 2006. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận tính thuế (2005 đến 2007) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 7 năm tiếp theo (2008 đến 2014). Toàn bộ các ưu đãi về thuế nêu trên không áp dụng cho các khoản thu nhập khác và thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mở rộng, theo đó các khoản thu nhập này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường.

Công ty được cấp giấy phép đầu tư số 47221000778 ngày 24 tháng 12 năm 2009 cho Nhà máy sản xuất Cà phê Biên Hòa II tại Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai (“Nhà máy Long Thành”). Theo giấy phép đầu tư điều chỉnh lần thứ nhất, lợi nhuận tính thuế từ Nhà máy Long Thành sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường và được hưởng ưu đãi về thời gian miễn thuế và giảm thuế như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên Nhà máy Long Thành có thu nhập chịu thuế (2014 đến 2015); và
- Giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2016 đến 2019).

Theo Nghị định số 12/2-15/ND-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015, Công văn số 5181/BTC-TCT ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Bộ Tài chính và các Công văn của Cục Thuế Đồng Nai, Công ty và công ty con được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 15% trên lợi nhuận chịu thuế phát sinh từ hoạt động chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp.

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% (2015: 22%).

**(d) Các khoản thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và điều tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của họ về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chứng từ xác định giá trị thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên liên quan và việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác và mức ảnh hưởng đến báo cáo tài chính có thể là đáng kể.



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Lãi trên cổ phiếu**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng cho kỳ kế toán năm là 384.070.138.429 VND (2015: 295.350.751.731 VND) và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 26.579.135 (2015: 26.579.135), được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	384.070.138.429	295.350.751.731

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cuối năm	26.579.135	26.579.135

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.450	11.112

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Tập đoàn không có cổ phiếu bị suy giảm tiềm tàng tại các ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016.



**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu và số dư với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
	2016 VND	2015 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Công ty mẹ của công ty mẹ</b>				
<b>Công ty Cổ phần hàng tiêu dùng Masan</b>				
Mua hàng hóa	52.849.360.374	42.030.992.563	(6.078.604.247)	(5.244.745.846)
Bán hàng hóa	1.787.188.004	11.658.690.363	-	-
Phí hỗ trợ quản lý	151.605.481.211	138.890.025.828	(105.559.512.066)	(57.419.560.879)
<b>Các bên liên quan</b>				
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan</b>				
Bán hàng hóa	241.604.088	100.086.820	1.399.860	-
Mua hàng hóa	3.588.244.500	7.313.203.364	(2.002.149.996)	(3.593.594.393)
Phí hỗ trợ quản lý	1.440.000.000	1.440.000.000	-	-
Mua tài sản cố định	31.882.155	413.916.511	-	-
<b>Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo</b>				
Bán hàng hóa	2.755.952.080	14.600.381.505	-	-
Mua hàng hóa	150.422.632.359	114.405.712.917	(17.639.556.739)	(29.388.769.818)
Mua dịch vụ	90.376.154.736	68.663.622.658	(20.992.292.640)	-

**Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
	2016 VND	2015 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Công ty Cổ phần Nước Khoáng</b>				
<b>Quảng Ninh</b>				
Bán hàng hóa	81.103.321	-	-	-
Mua hàng hóa	6.772.989.600	-	-	-
<b>Thành viên quản lý chủ chốt</b>				
Thù lao	2.058.256.000	3.156.256.000	-	-

15 MAR 2017

Người lập:



Nguyễn Diệu Linh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phan Thị Thúy Hoa  
Kế toán trưởng




Nguyễn Tân Kỳ  
Tổng Giám đốc





VINACAFÉ<sup>®</sup> BH